

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI**

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

NGÀNH BẢO HIỂM

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: 7340204

Hà Nội, 2022

MỤC LỤC

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo:.....	3
1.2. Thông tin chung:	3
1.3. Triết lý giáo dục, Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi:	3
1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo:.....	5
1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:.....	6
1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học:.....	10
1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:	11
1.8. Chiến lược giảng dạy và học tập.....	19
1.9. Chiến lược và phương pháp đánh giá.....	23
1.10. Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra, học phần, phương pháp dạy và học và phương pháp đánh giá	27
II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY:	55
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy:.....	55
2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy:.....	55
2.3. Danh sách học phần:.....	58
2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	64
2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra	68
2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra.	75
2.7. Tiến trình giảng dạy:	83
2.8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:	85
2.9. Đối sánh chương trình đào tạo với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo	99
III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	105

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo đại học ngành Bảo hiểm nhằm đào tạo cử nhân Bảo hiểm có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt, có đầy đủ các kiến thức về kinh tế, tài chính, bảo hiểm, có đầy đủ các kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tư vấn, giải quyết các công việc trong các tổ chức, doanh nghiệp bảo hiểm, các cơ quan thuộc hệ thống bảo hiểm xã hội, công ty tài chính và các doanh nghiệp.

1.2. Thông tin chung:

Bảng 1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm.

Tên chương trình đào tạo	Bảo hiểm (Insurance)
Mã ngành đào tạo	7340204
Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Tên gọi văn bằng	Cử nhân Bảo hiểm
Trường cấp bằng	Trường Đại học Lao động - Xã hội
Khoa quản lý	Bảo hiểm
Số tín chỉ yêu cầu	121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất + Giáo dục quốc phòng an ninh
Website	www.uls.edu.vn
Fanpage	
Ban hành	Quyết định số 1423/QĐ-ĐHLĐXH, ngày 22 tháng 7 năm 2022

1.3. Triết lý giáo dục, Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi:

1.3.1. Triết lý giáo dục

- **Giáo dục toàn diện (Comprehensive education):** Giáo dục toàn diện tại Trường Đại học Lao động - Xã hội được tổ chức có kế hoạch, có mục đích nhằm hình thành và phát triển toàn diện nhân cách người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, cảm xúc và kỹ năng trên cơ sở đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành, giữa học tập và hoạt động ngoại khóa.

- **Kiến tạo tương lai (Creating the future):** Trường Đại học Lao động - Xã hội là môi trường kiến tạo tương lai thông qua việc xây dựng thói quen học tập và tư duy tích cực cho người học; Hoạch định công việc cho tương lai; Đúc rèn ý chí quyết tâm để đạt được ước mơ, hoài bão; Tối ưu hóa việc sử dụng thời gian; Đánh giá đúng đắn và kiên định với mục tiêu; Đối thoại tích cực, giao tiếp hiệu quả. Nhà trường cung cấp môi trường học tập và rèn luyện để người học có đủ năng lực kiến tạo tương lai cho chính

bản thân.

- **Vươn tầm hội nhập (Reaching integration):** Trường Đại học Lao động - Xã hội kiến tạo môi trường học tập và nghiên cứu cho người học tiếp cận và bắt kịp trình độ, chuẩn mực tiên tiến thông qua việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo tương đồng với các trường đại học trong khu vực và thế giới; hợp tác đào tạo và nghiên cứu với các đối tác quốc tế. Nhà trường tạo môi trường để người học nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực ngoại ngữ, tác phong làm việc, kỹ năng hội nhập, qua đó tạo nền tảng cho việc hội nhập.

1.3.2. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Bảng 1.2. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Lao động - Xã hội và Khoa Bảo hiểm

	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Khoa Bảo hiểm
Sứ mạng	Trường Đại học Lao động - Xã hội là cơ sở giáo dục đại học công lập duy nhất của ngành Lao Động Thương binh và Xã hội trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao theo định hướng ứng dụng với thế mạnh là các ngành Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Bảo hiểm, Kế toán và Quản trị kinh doanh; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế - lao động - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngành, đất nước và hội nhập quốc tế.	Thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng và san sinh xã hội thông qua việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, các sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính và bảo hiểm; đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển và hội nhập sâu rộng của ngành Lao động, thương binh xã hội và của đất nước.
Tầm nhìn	Đến năm 2030, Trường Đại học Lao động - Xã hội trở thành trường Đại học hàng đầu Việt Nam trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao thuộc lĩnh vực lao động - xã hội có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, năng động, sáng tạo trong công việc, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực; trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế có uy tín trong khu vực ASEAN	Khoa Bảo hiểm là một trong những đơn vị hàng đầu của Trường Đại học Lao động - Xã hội cung cấp hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tư vấn chất lượng cao trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, bảo hiểm thương mại, bảo hiểm xã hội. Đến năm 2030, Khoa Bảo hiểm phấn đấu nằm trong danh sách 5 cơ sở đào tạo ngành bảo hiểm uy tín và tốt nhất Việt Nam.
Giá trị cốt lõi	<ul style="list-style-type: none"> • Chuyên nghiệp. • Sáng tạo 	<ul style="list-style-type: none"> • Lấy người học làm trung tâm.

	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Khoa Bảo hiểm
	<ul style="list-style-type: none"> Hội nhập 	<ul style="list-style-type: none"> Đề cao tính chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo. Phát huy tinh thần trách nhiệm và cống hiến xã hội. Coi trọng văn hóa chất lượng. Thúc đẩy hợp tác, phát triển và hội nhập quốc tế.

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo:

1.4.1. Mục tiêu tổng quát.

Chương trình đào tạo đại học ngành Bảo hiểm nhằm đào tạo sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có đầy đủ các kiến thức về kinh tế, tài chính, bảo hiểm thương mại, bảo hiểm xã hội, giúp người học có tư duy logic, có đầy đủ các kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tư vấn, giải quyết các công việc trong các tổ chức, doanh nghiệp bảo hiểm, các cơ quan thuộc hệ thống bảo hiểm xã hội, công ty tài chính. Chương trình đào tạo giúp cho có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc; có kỹ năng tin học, tiếng anh giao tiếp và chuyên ngành bảo hiểm.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể.

PO1: Cử nhân bảo hiểm được trang bị hệ thống về tư tưởng lý luận chính trị, có kiến thức và tư duy toán học, kiến thức về pháp luật; kiến thức cơ bản về kinh tế, đầu tư, tài chính và tiền lương; có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về nghiệp vụ của tổ chức bảo hiểm xã hội và các doanh nghiệp bảo hiểm.

PO2: Hiểu và vận dụng thành thạo các nguyên lý về kinh doanh bảo hiểm, bảo hiểm xã hội, quản trị rủi ro, tài chính bảo hiểm, hoạt động đầu tư để giải quyết công việc; phân tích, đánh giá chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, các nghiệp vụ thương mại ở doanh nghiệp bảo hiểm. Vận dụng, phân tích và đánh giá kiến thức tài chính bảo hiểm vào thực tiễn phân tích tài chính tại các doanh nghiệp bảo hiểm.

PO3: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm và khả năng hình thành, phát triển và lãnh đạo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc.

PO4: Có đầy đủ kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.

PO5: Người học có khả năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong giải quyết công việc chuyên môn.

PO6: Người học tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tin học cơ bản và có kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý số liệu thông qua các phần mềm chuyên dụng phục

vụ cho công việc chuyên môn.

PO7: Người học ý thức nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, tuân thủ pháp luật trách nhiệm công dân; có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác; có năng lực học tập, nghiên cứu, phát triển bản thân, có tư duy hệ thống độc lập.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLO1: Người học vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và các kiến thức pháp luật Việt Nam vào giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tiễn

PLO2: Người học vận dụng được các kiến thức cơ bản về toán học, phương pháp nghiên cứu, khoa học tự nhiên để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

PLO3: Người học vận dụng được các nguyên lý cơ bản của kinh tế thị trường, kế toán, tài chính tiền tệ, marketing, quản trị nhân lực và quản trị học trong phân tích các hoạt động kinh doanh của các tổ chức cũng như các vấn đề kinh tế cơ bản của nền kinh tế.

PLO4: Người học hiểu và vận dụng các nguyên lý về kinh doanh bảo hiểm, bảo hiểm xã hội, quản trị rủi ro, tài chính bảo hiểm, hoạt động đầu tư để giải quyết công việc.

PLO5: Người học vận dụng, phân tích, đánh giá các tình huống thực tiễn để giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, giải quyết các nghiệp vụ thương mại, tài chính bảo hiểm ở doanh nghiệp bảo hiểm để đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp.

PLO6: Người học có các kỹ năng quản trị, các kỹ năng đánh giá rủi ro, các kỹ năng về phân tích tài chính, các kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giao tiếp và thuyết trình. Đồng thời thuần thục các kỹ năng giải quyết các chế độ chính sách bảo hiểm, các nghiệp vụ bảo hiểm.

PLO7: Có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và khả năng xử lý số liệu để giải quyết công việc

PLO8: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để phản biện ý kiến trước tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết công việc.

PLO9: Người học có kỹ năng đánh giá việc thực hiện các công việc của mình và của tập thể nhằm đề xuất những giải pháp giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm, phân tích tài chính, hoạt động đầu tư.

PLO10: Người học có các kỹ năng thúc đẩy sự tương tác trong giao tiếp, khích lệ và hỗ trợ làm việc giữa các cá nhân và tập thể.

PLO11: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay

đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

PLO12: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định

PLO13: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

PLO14: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động

PLO15: Người học tốt nghiệp có trình độ Tiếng Anh đạt TOEIC 550 điểm hoặc tương đương; Có khả năng đọc hiểu tài liệu tiếng Anh trong lĩnh vực của chuyên môn đào tạo

PLO16: Người học tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tin học cơ bản đạt chuẩn đầu ra quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương. Sử dụng thành thạo phần mềm cần thiết phục vụ công việc chuyên môn.

Bảng 1.3. Mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình và chuẩn đầu ra chương trình

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
PO1	x	x	x	x	x											
PO2	x	x	x	x	x											
PO3						x	x	x	x	x						
PO4						x	x	x	x	x						
PO5															x	
PO6																x
PO7											x	x	x	x		

Bảng 1.4. Đối sánh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm đáp ứng khung trình độ quốc gia và thang trình độ năng lực.

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
PLO1: Người học vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và các kiến thức pháp luật Việt Nam vào giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tiễn	K2	4
PLO2: Người học vận dụng được các kiến thức cơ bản về toán học, phương pháp nghiên cứu, khoa học tự nhiên để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.	K1	3

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
PLO3: Người học vận dụng được các nguyên lý cơ bản của kinh tế thị trường, kế toán, tài chính tiền tệ, marketing, quản trị nhân lực và quản trị học trong phân tích các hoạt động kinh doanh của các tổ chức cũng như các vấn đề kinh tế cơ bản của nền kinh tế.	K2	4
PLO4: Người học hiểu và vận dụng các nguyên lý về kinh doanh bảo hiểm, bảo hiểm xã hội, quản trị rủi ro, tài chính bảo hiểm, hoạt động đầu tư để giải quyết công việc.	K1	4
PLO5: Người học vận dụng, phân tích, đánh giá các tình huống thực tiễn để giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, giải quyết các nghiệp vụ thương mại, tài chính bảo hiểm ở doanh nghiệp bảo hiểm để đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp.	K4	4
PLO6: Người học có các kỹ năng quản trị, các kỹ năng đánh giá rủi ro, các kỹ năng về phân tích tài chính, các kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giao tiếp và thuyết trình. Đồng thời thuần thục các kỹ năng giải quyết các chế độ chính sách bảo hiểm, các nghiệp vụ bảo hiểm.	K5	4
PLO7: Có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và khả năng xử lý số liệu để giải quyết công việc	K4+S3	5
PLO8: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để phản biện ý kiến trước tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết công việc.	K5+S3	5
PLO9: Người học có kỹ năng đánh giá việc thực hiện các công việc của mình và của tập thể nhằm đề xuất những giải pháp giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm, phân tích tài chính, hoạt động đầu tư.	C1+S4	5
PLO10: Người học có các kỹ năng thúc đẩy sự tương tác trong giao tiếp, khích lệ và hỗ trợ làm việc giữa các cá nhân và tập thể.	S3	4
PLO11: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	S1	4
PLO12: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện	C1	4

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
nhiệm vụ xác định.		
PLO13: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	S1	4
PLO14: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động	C1	4
PLO15: Người học tốt nghiệp có trình độ Tiếng Anh đạt TOEIC 550 điểm hoặc tương đương; Có khả năng đọc hiểu tài liệu tiếng Anh trong lĩnh vực của chuyên môn đào tạo	S6	4
PLO16: Người học tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tin học cơ bản đạt chuẩn đầu ra quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương. Sử dụng thành thạo phần mềm cần thiết phục vụ công việc chuyên môn.	K3	4

Danh mục các chuẩn đối sánh:

(1) TĐNL - Trình độ năng lực chung:

Bảng 1.5. Thang trình độ năng lực chung

Thang TĐNL	Khả năng hoạt động	Khả năng nhận thức
1.0	Có biết/ trải qua	
2.0	Có thể tham gia vào và đóng góp cho các hoạt động	Khả năng Nhớ
3.0	Có thể hiểu và giải thích	Khả năng Hiểu
4.0	Có khả năng thực hành / triển khai	Khả năng Áp dụng / Phân tích
5.0	Có thể dẫn dắt sáng tạo trong giải quyết vấn đề	Khả năng Tổng hợp/ Đánh giá vấn đề

(2) Khung TĐQG - Khung trình độ quốc gia - bậc 6

Kiến thức (K):

K1. Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.

K2. Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.

K3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

K4. Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.

K5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

Kỹ năng (S):

S1. Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.

S2. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

S3. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

S4. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

S5. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.

S6. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (C):

C1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

C2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

C3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

C4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học:

1.6.1. Cơ hội việc làm.

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Bảo hiểm có thể làm việc tại:

- Cán bộ ở các phòng nghiệp vụ tại các cơ quan thuộc hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

- Cán bộ làm bảo hiểm xã hội ở các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức.

- Cán bộ nghiệp vụ tại các doanh nghiệp bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, tái bảo hiểm, Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam.

- Cán bộ tại ngân hàng, công ty tài chính.

- Cán bộ bảo hiểm y tế tại các bệnh viện

- Cán bộ làm công tác giảng dạy, nghiên cứu về bảo hiểm tại các trường, viện, học viện và các cơ quan nghiên cứu khoa học khác.

1.6.2. Cơ hội học tập.

Có khả năng tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp thông qua việc học tập và nghiên cứu để đạt được các chứng chỉ hành nghề chuyên nghiệp; có đủ năng lực tham gia chương trình đào tạo sau đại học ngành Bảo hiểm và các ngành kinh tế.

1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

1.7.1. Tiêu chí tuyển sinh.

Thực hiện theo đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

1.7.2. Quá trình đào tạo.

Chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, gồm 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất + Giáo dục quốc phòng an ninh không tích lũy. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ và các quy định hiện hành khác của Trường Đại học Lao động – Xã hội. Chương trình đào tạo được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm, tuy nhiên sinh viên có thể rút ngắn thời gian học còn 3,5 năm hoặc kéo dài thời gian tối đa là 8 năm (trừ những trường hợp đặc biệt được quy định khác).

1.7.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp.

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra (trong đó có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học) của chương trình đào tạo.

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên (2,00).

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

d) Có chứng chỉ hoàn thành các học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất.

1.7.4. Hệ thống tính điểm.

1.7.4.1. Đánh giá và tính điểm học phần đối với các học phần được tính vào điểm trung bình học tập

1. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua *tối thiểu hai điểm thành phần*, đối với các học phần có khối lượng 01 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên.

b) Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học.

c) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

2. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

3. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

a) Loại đạt có phân mức, được tính vào điểm trung bình chung học tập, bao gồm:

A+ (9,2 - 10), A (8,5 - 9,1).

B+ (7,7 - 8,4), B (7,0 - 7,6).

C+ (6,2 - 6,9), C (5,5 - 6,1).

D+ (4,7 - 5,4), D (4,0 - 4,6).

b) Loại không đạt:

F+ (2,0 - dưới 4,0), F (dưới 2,0).

c) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, đánh giá.

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu.

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

4. Học lại, thi và học cải thiện điểm.

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt (F+ và F) phải đăng ký học lại theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 của Quy chế này, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 5 Điều này. Điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần;

b) Sinh viên đã có điểm học phần đạt được đăng ký học lại để cải thiện điểm.

5. Nhà trường quy định.

a) Việc tổ chức đánh giá quá trình học tập, trải nghiệm của sinh viên, bao gồm cả các hoạt động thí nghiệm, thực hành, làm bài tập, trình bày báo cáo như một thành phần của học phần.

b) Việc tổ chức thi, bao gồm quy định về thời gian ôn thi và thời gian thi, việc làm đề thi, coi thi, chấm thi, phúc tra (nếu có), bảo quản bài thi, việc hoãn thi và miễn thi: *Thực hiện theo quy định riêng của Trường.*

c) Việc tổ chức đánh giá các học phần, đồ án, khóa luận, thực hành và thực tập và các học phần đặc thù khác: *Thực hiện theo quy định riêng của Trường.*

d) Nhà trường không yêu cầu ngưỡng điểm đạt phải cao hơn quy định của Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên, trong mỗi mức xếp điểm bằng chữ, Nhà trường đưa thêm mức điểm cộng (+).

đ) Nhà trường cho phép sinh viên thi lại, đánh giá lại một điểm thành phần để cải

thiện điểm học phần từ không đạt thành đạt. Trong trường hợp này, điểm học phần sau khi thi lại, đánh giá lại chỉ được giới hạn ở mức tối đa là điểm C+.

e) Nhà trường cho phép sinh viên học lại để cải thiện điểm và quy tắc tính điểm chính thức của học phần trong trường hợp điểm học lần sau thấp hơn: *Lấy điểm cao hơn để tính làm điểm chính thức của học phần.*

6. Quy định về đánh giá và tính điểm học phần

6.1. Nguyên tắc và yêu cầu của việc đánh giá và tính điểm học phần

a) Nghiêm túc, khách quan, tin cậy và trung thực.
b) Công bằng đối với tất cả sinh viên trong lớp, giữa các lớp, các khóa và các hình thức đào tạo.

6.2. Đánh giá và tính điểm học phần

a) Đối với học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành:

** Trường hợp học phần có từ 02 TC trở lên*

Điểm tổng hợp đánh giá học phần (*sau đây gọi là điểm học phần*) được tính căn cứ vào 02 điểm thành phần. Điểm thành phần thứ nhất gọi chung là *Điểm đánh giá bộ phận* và điểm thành phần thứ hai gọi chung là *Điểm đánh giá kết thúc học phần*. Trong đó:

- *Điểm đánh giá bộ phận*: Được căn cứ vào một số hay tất cả các hình thức đánh giá, bao gồm: Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận. Điểm đánh giá bộ phận có trọng số là 40%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận được quy định trong Đề cương chi tiết học phần. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp cho điểm đánh giá bộ phận.

- *Điểm đánh giá kết thúc học phần*: Hình thức đánh giá kết thúc học phần có thể là một trong các hình thức sau: Viết tiểu luận, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, viết tự luận, Hình thức đánh giá kết thúc học phần được quy định trong Đề cương chi tiết học phần. Điểm đánh giá kết thúc học phần có trọng số là 60%. Việc tổ chức đánh giá kết thúc học phần: *Thực hiện theo quy định riêng của Trường.*

- Nhà trường quy định việc tổng hợp đánh giá học phần chỉ thực hiện khi các điểm thành phần không có điểm liệt. Điểm liệt là điểm <1 tính theo thang điểm 10. Trường hợp có một trong hai điểm thành phần hoặc cả hai điểm thành phần là điểm liệt thì điểm tổng hợp đánh giá học phần ghi là F+ hoặc F.

** Trường hợp học phần có 01 tín chỉ*

- Điểm học phần là điểm đánh giá kết thúc học phần.

- Hình thức đánh giá kết thúc học phần có thể là một trong các hình thức sau: Viết tiểu luận, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, viết tự luận, Hình thức đánh giá kết thúc học phần được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

- Việc tổ chức đánh giá kết thúc học phần: *Thực hiện theo quy định riêng của Trường.*

b) Đối với học phần thực hành

- Sinh viên phải dự đầy đủ các bài thực hành.

- Điểm của các bài thực hành tính theo thang điểm 10. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành. Số bài thực hành được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

- Giảng viên phụ trách học phần thực hành trực tiếp cho điểm đánh giá từng bài thực hành và tính điểm của học phần thực hành.

- Không tổ chức đánh giá kết thúc học phần thực hành.

1.7.4.2. Đánh giá và tính điểm đối với môn học Giáo dục thể chất

1. Môn học Giáo dục thể chất (GDTC) là môn học điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên theo quy định tại điểm d của mục 1.7.3 của Bản mô tả này. Kết quả học tập của môn học GDTC không được tính vào điểm trung bình chung học tập của sinh viên.

2. Đối tượng được miễn học, thay đổi hình thức học, tạm hoãn học GDTC

a) Đối tượng được miễn học toàn bộ các học phần của môn học GDTC: Sinh viên đã hoàn thành các học phần về GDTC phù hợp với trình độ đào tạo.

b) Đối tượng được thay đổi hình thức học các học phần của môn học GDTC

- Sinh viên có thương tật, dị tật bẩm sinh làm hạn chế chức năng vận động (*có giấy chứng nhận của Bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên*). Có thể áp dụng thay thế các môn học đặc thù dành cho người khuyết tật.

- Sinh viên bị các bệnh không được vận động mạnh (*có giấy chứng nhận của Bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên*).

c) Đối tượng được tạm hoãn học các học phần của môn học GDTC

- Sinh viên đang học nhưng sức khỏe không đảm bảo.

- Sinh viên đang mang thai, nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi.

d) Các đối tượng nêu tại điểm a, b và c của khoản này nộp Đơn đề nghị miễn học, thay đổi hình thức học hoặc hoãn học kèm theo giấy chứng nhận có giá trị về phòng QLĐT trong thời gian đăng ký học để phòng QLĐT xem xét trình Lãnh đạo trường quyết định. Sinh viên được cho tạm hoãn học các học phần GDTC thì sau khi hết thời gian tạm hoãn phải tiếp tục học những nội dung còn thiếu trong chương trình theo quy định.

3. Môn học GDTC có 03 học phần. Mỗi học phần có khối lượng tích lũy là 01 TC. Các học phần của môn học GDTC là các học phần thực hành.

a) Chương trình môn học GDTC dành cho sinh viên có đủ sức khỏe để vận động.

- Có 01 học phần bắt buộc: Thể dục – Điền kinh.

- Và 02 học phần tự chọn: Sinh viên có thể chọn 02 trong số 06 học phần sau: Bóng chuyền 1; Bóng chuyền 2; Bóng rổ 1; Bóng rổ 2; Cầu lông 1; và Cầu lông 2.

b) Chương trình môn học GDTC dành cho sinh viên hạn chế sức khỏe (*áp dụng đối với sinh viên quy định tại điểm b khoản 2 của mục này*), gồm có 03 học phần bắt buộc: Cờ vua 1; Cờ vua 2 và Cờ vua 3.

4. Đánh giá đối với các học phần của môn học GDTC như sau

- Sinh viên phải dự tất cả các bài thực hành của học phần.
- Điểm đánh giá mỗi bài thực hành tính theo thang điểm 10. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm đánh giá học phần. Số bài thực hành được quy định trong Đề cương chi tiết học phần. Không tổ chức đánh giá kết thúc các học phần thực hành của môn học GDTC.

- Giảng viên được giao nhiệm vụ giảng dạy học phần trong học kỳ trực tiếp cho điểm đánh giá từng bài thực hành và tính điểm đánh giá học phần.

- Điểm đánh giá các học phần của môn học GDTC không quy đổi thành điểm chữ và thang điểm 4.

5. Công nhận hoàn thành môn học Giáo dục thể chất (*phòng QLĐT tổng hợp trình Hội đồng xét tốt nghiệp*)

a) Sinh viên được xét công nhận hoàn thành môn học GDTC khi có đủ các điều kiện sau

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ theo yêu cầu của chương trình môn học GDTC;
- Điểm học phần của tất cả các học phần của môn học GDTC mà sinh viên đã đăng ký học đạt từ 5,0 trở lên.

- Tại thời điểm xét công nhận hoàn thành không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Mức công nhận hoàn thành môn học GDTC như sau

- Sinh viên đủ điều kiện ghi tại điểm a khoản 5 Điều này được công nhận hoàn thành môn học GDTC và được đánh giá ở mức “Đạt”, ghi chữ “**P**” (P viết tắt của “Pass” – “Đạt”).

- Các trường hợp khác được đánh giá ở mức: “Không đạt”, ghi “**F**” (F là viết tắt của “Fall” – “Không đạt”).

6. Học lại, đánh giá lại điểm học phần của môn học GDTC

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt (< 5,0) và không tham dự đầy đủ các bài thực hành của học phần phải đăng ký học lại theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 của Quy chế này. Điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần.

b) Sinh viên có điểm học phần không đạt (<5,0) nhưng tham dự đầy đủ các bài thực hành của học phần thì được đề nghị thi lại, đánh giá lại một bài hoặc một số bài thực hành trong học phần để cải thiện điểm học phần từ không đạt thành đạt.

1.7.4.3. Đánh giá và tính điểm đối với môn học Giáo dục Quốc phòng - An ninh.

1. Môn học Giáo dục Quốc phòng - An ninh (GDQP-AN) là môn học điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 14 Quy chế này. Kết quả học tập của môn học GDQPAN không được tính vào điểm trung bình chung học tập của sinh viên. Sinh viên hoàn thành môn học GDQPAN từ mức trung bình trở lên được cấp chứng chỉ hoàn thành môn học GDQP-AN.

2. Đối tượng được miễn học, tạm hoãn học GDQP-AN

a) Đối tượng được miễn học toàn bộ các học phần của môn học GDQP-AN

- Sinh viên nguyên là sĩ quan quân đội.

- Sinh viên là người hưởng lương thuộc biên chế Nhà nước được cơ quan cử đi học.

- Sinh viên đã được cấp chứng chỉ GDQP-AN phù hợp với trình độ đào tạo.

b) Đối tượng được miễn học các học phần thực hành của môn học GDQP-AN

- Sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự phục vụ trong công an, quân đội (*có quyết định xuất ngũ*).

- Sinh viên có thương tật, dị tật bẩm sinh làm hạn chế chức năng vận động (*có giấy chứng nhận của Bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên*);

- Sinh viên bị các bệnh không được vận động mạnh (*có giấy chứng nhận của Bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên*);

- Sinh viên là tu sĩ, tăng ni thuộc các tôn giáo.

c) Đối tượng được tạm hoãn học các học phần của môn học GDQP-AN

- Sinh viên đang học nhưng sức khỏe không đảm bảo.

- Sinh viên đang mang thai, nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi.

- Sinh viên có lý do đặc biệt về hoàn cảnh gia đình.

d) Các đối tượng nêu tại điểm a, b và c của khoản này nộp Đơn đề nghị miễn học toàn bộ, miễn học các học phần thực hành hoặc hoãn học kèm theo giấy chứng nhận có giá trị về phòng QLĐT trong thời gian đăng ký học để phòng QLĐT xem xét trình Lãnh đạo trường quyết định. Sinh viên được cho tạm hoãn học các học phần GDQP-AN thì sau khi hết thời gian tạm hoãn phải tiếp tục học những nội dung còn thiếu trong chương trình theo quy định.

3. Môn học GDQP-AN có 04 học phần

a) Học phần 1: **Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam.**

Số tín chỉ: 03 TC; Loại môn học: Lý thuyết.

b) Học phần 2: **Công tác quốc phòng an ninh**

Số tín chỉ: 02 TC; Loại môn học: Lý thuyết.

c) Học phần 3: **Quân sự chung.**

Số tín chỉ: 01 TC; Loại môn học: Thực hành.

d) Học phần 4: **Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.**

Số tín chỉ: 02 TC; Loại môn học: Thực hành.

4. Đánh giá và tính điểm học phần, điểm môn học GDQP-AN.

a) Đánh giá các học phần lý thuyết của môn học GDQP-AN.

- Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% thời gian học trên lớp của học phần.

- Điểm tổng hợp đánh giá học phần (*sau đây gọi là Điểm học phần*) được tính căn cứ vào 02 điểm thành phần. Điểm thành phần thứ nhất gọi chung là *Điểm đánh giá bộ phận (ĐDGBP)* và điểm thành phần thứ hai gọi chung là *Điểm đánh giá kết thúc học phần (ĐDGKTHP)*.

- *Điểm đánh giá bộ phận*: Được căn cứ vào một số hay tất cả các hình thức đánh giá, bao gồm: Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia học tập; điểm chuyên cần; điểm đánh giá giữa học phần; điểm tiểu luận. Điểm đánh giá bộ phận được tính theo thang điểm 10 và có trọng số là 40%. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận được quy định trong Đề cương chi tiết học phần. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp cho điểm đánh giá bộ phận.

- *Điểm đánh giá kết thúc học phần*: Hình thức đánh giá kết thúc học phần có thể là một trong các hình thức sau: Viết tiểu luận, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, viết tự luận, Hình thức đánh giá kết thúc học phần được quy định trong Đề cương chi tiết học phần. Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10 và có trọng số là 60%. Việc tổ chức đánh giá kết thúc học phần: *Thực hiện theo quy định riêng của Trường.*

- *Điểm học phần*:

+ Điểm học phần được tổng hợp từ *Điểm đánh giá bộ phận* và *Điểm đánh giá kết thúc học phần* khi các điểm thành phần này không là điểm liệt. Điểm liệt là điểm <1 tính theo thang điểm 10.

$\text{Điểm học phần} = (\text{ĐDGBP} \times 40\%) + (\text{ĐDGKTHP} \times 60\%)$

+ Trường hợp Điểm học phần ≥ 5 : Sinh viên được đánh giá là “Đạt”;

+ Trường hợp Điểm học phần < 5 : Sinh viên được đánh giá “Không đạt”;

+ Trường hợp có một trong hai điểm thành phần hoặc cả hai điểm thành phần là điểm liệt thì *Điểm học phần* ghi là “Không đạt”.

+ Sinh viên bị đánh giá “**Không đạt**” phải đăng ký học lại học phần hay thi lại, đánh giá lại theo quy định tại khoản 5 Mục này.

b) Đánh giá các học phần thực hành của môn học GDQP-AN

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành.

- Điểm đánh giá mỗi bài thực hành tính theo thang điểm 10. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học phần làm tròn đến một chữ số thập phân là

điểm của học phần thực hành đó. Số bài thực hành được quy định trong Đề cương chi tiết học phần.

- Giảng viên phụ trách học phần thực hành trực tiếp cho điểm đánh giá từng bài thực hành và tính điểm của học phần thực hành. Không tổ chức đánh giá kết thúc học phần thực hành.

- *Điểm học phần thực hành:*

+ Điểm học phần thực hành được tổng hợp từ điểm của các bài thực hành khi và chỉ khi các điểm các bài thực hành này không có điểm liệt. Điểm liệt là điểm <1 tính theo thang điểm 10.

Điểm học phần TH = (Điểm Bài 1 + Điểm Bài 2 + ...+ Điểm Bài n)/n

+ Trường hợp Điểm học phần $\geq 5,0$: Sinh viên được đánh giá là “Đạt”.

+ Trường hợp Điểm học phần $< 5,0$: Sinh viên được đánh giá “Không đạt”.

+ Trường hợp có một điểm bài thực hành là điểm liệt thì *Điểm học phần* ghi là “Không đạt”.

+ Sinh viên bị đánh giá “**Không đạt**” phải đăng ký học lại học phần hoặc thi lại, đánh giá lại theo quy định tại khoản 6 Mục này.

c) Điểm trung bình chung môn học GDQP-AN

Sinh viên được xem xét đánh giá môn học GDQP-AN khi đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ theo yêu cầu của môn học GDQP-AN.

- Điểm học phần của các học phần của môn học GDQP-AN đều ở mức “Đạt”.

- Cách tính Điểm trung bình chung môn học GDQP-AN:

Điểm TBC = (Điểm HP1 x 3 + Điểm HP2 x 2 + Điểm HP3 x 1 + Điểm HP4 x 2)/8.

- Điểm TBC môn học GDQP-AN được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và không quy đổi sang điểm chữ và thang điểm 4.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình chung môn học.

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, đánh giá.

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu.

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

5. Công nhận hoàn thành và cấp chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh

a) Sinh viên được xét công nhận hoàn thành và cấp chứng chỉ GDQP-AN khi có đủ các điều kiện sau:

- Có điểm đánh giá TBC môn học từ điểm trung bình trở lên ($\geq 5,0$).

- Tại thời điểm xét đánh giá không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Hạng chứng chỉ GDQP-AN được xác định căn cứ vào điểm trung bình chung (TBC) tích lũy của môn học tính theo thang điểm 10:

Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc.

Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi.

Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá.

Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình.

6. Học lại, đánh giá lại điểm học phần

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt ($<5,0$) và không tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định đối với học phần phải đăng ký học lại theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 của Quy chế này. Điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần.

b) Sinh viên có điểm học phần không đạt ($<5,0$) nhưng tham dự đầy đủ các buổi lên lớp theo quy định đối với học phần thì được đề nghị thi lại, đánh giá lại một điểm thành phần để cải thiện điểm học phần từ không đạt thành đạt. Trong trường hợp này, điểm học phần sau khi thi lại, đánh giá lại chỉ được giới hạn ở mức tối đa là điểm 5,0.

1.8. Chiến lược giảng dạy và học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế cho chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Chiến lược giảng dạy và học tập được áp dụng đa dạng nhằm giúp cho người học đạt được các chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo. Chiến lược giảng dạy và học tập gồm 08 nhóm lớn: dạy học trực tiếp, dạy học dựa vào hoạt động, dạy kỹ năng tư duy, dạy học tương tác, dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy, dạy học dựa vào công nghệ và tự học.

1.8.1. Chiến lược dạy học trực tiếp.

Chiến lược dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó các thông tin được truyền tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và người học lắng nghe. Chiến lược này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành bảo hiểm áp dụng gồm: giải thích cụ thể, thuyết giảng, tham luận và câu hỏi gợi mở. Cụ thể như sau:

- **Giải thích cụ thể** (Explicit leaching): đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.
- **Thuyết giảng** (Lecture): giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền

đạt.

- **Tham luận (Guest Lecture):** theo phương pháp này, người học tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình đến từ doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những trao đổi chia sẻ những kinh nghiệm, hiểu biết của diễn giảng để giúp người học hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.
- **Câu hỏi gọi mở (Inquiry):** trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gọi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

1.8.2. Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động - trải nghiệm.

Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động là chiến lược khuyến khích người học thực hiện, tạo cơ hội cho người học thực hành. Điều này thúc đẩy người học khám phá, lựa chọn, giải quyết vấn đề và tương tác với các đối tượng khác. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm áp dụng gồm: trò chơi; thực tập, thực tế; thảo luận. Cụ thể:

- **Trò chơi (Game):** trò chơi là hoạt động đầy thử thách, mô phỏng, hoặc các cuộc thi được chơi theo một bộ quy tắc rõ ràng. Trò chơi cung cấp cho người học cơ hội nâng cao kiến thức thực tế, ra quyết định và kỹ năng giao tiếp, được thiết kế để đạt được những kỳ vọng được xác định rõ ràng như làm việc nhóm, phát triển kỹ năng hoặc cải thiện giao tiếp. Quy tắc trò chơi giúp người học nhận ra rằng quyết định của họ có ảnh hưởng như thế nào đến bản thân cũng như của những người khác cùng tham gia.
- **Thực tập, thực tế (Field Trip):** thông qua các hoạt động tham quan, đi thực tế tại công ty, doanh nghiệp... để giúp cho người học tiếp cận và hiểu được môi trường thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không chỉ giúp cho người học hình thành kiến thức, kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho người học sau khi tốt nghiệp.
- **Thảo luận (Discussion):** là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với các phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học cũng quan tâm mục tiêu chung tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

1.8.3. Chiến lược dạy kỹ năng tư duy.

Chiến lược dạy kỹ năng tư duy phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi,

kỹ năng phân tích và thực hành phản xạ trong cách tiếp cận học tập của người học. Những chiến lược này cũng được thiết kế để thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo và độc lập cho người học. Các phương pháp chiến lược này gồm: giải quyết vấn đề; học theo tính huống. Cụ thể:

- **Giải quyết vấn đề** (Problem Solving): trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần.
- **Học theo tình huống** (Case Study): đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tính huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu.

1.8.4. Chiến lược dạy học tương tác.

Chiến lược dạy học tương tác giúp cho người học trở nên năng động, có trách nhiệm và quan tâm đến người khác bằng cách thúc đẩy các tương tác nhóm tích cực và có tính hợp tác, hành vi lắng nghe, tôn trọng và trọng lượng của cả hai mặt của một lập luận hoặc của một vấn đề nào đó. Trọng tâm của việc học tương tác là dạy cho người học tương tác thành công với nhau và chuyên những kỹ năng đó thành những tương tác hiệu quả trong xã hội. Học nhóm là một phương pháp được áp dụng theo chiến lược này.

- **Học nhóm** (Teamwork Learning): người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

1.8.5. Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy.

Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu khuyến khích mức độ tư duy phê phán cao. Người học xác định các câu hỏi nghiên cứu, tìm các phương pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề hoặc báo cáo các kết luận dựa trên các bằng chứng thu thập được. Chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm sử dụng các phương pháp: nghiên cứu độc lập; dự án nghiên cứu; nhóm nghiên cứu giảng dạy.

- **Nghiên cứu độc lập:** phương pháp này phát triển khả năng của người học trong việc lập kế hoạch, tổ chức, khám phá và giao tiếp đối với chủ đề một cách độc lập dưới sự hướng dẫn của các giảng viên. Phương pháp này cũng tăng cường động lực học và tích cực tham gia học tập vì người học được phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày. Tại Trường Đại học Lao động – Xã hội có nhiều sách, tài liệu tham khảo được cập nhật hỗ trợ hữu ích cho người học

- **Dự án nghiên cứu (Research Project):** người học nghiên cứu một chủ đề nào đó liên quan đến môn học và viết báo cáo.
- **Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team):** người học được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho người học tiếp tục học tập cao hơn ở bậc sau đại học.

1.8.6. Chiến lược dạy học dựa vào công nghệ.

Phương pháp kết hợp nhằm kết hợp phương pháp lên lớp truyền thống với học trực tuyến (E-learning; Zoom...). Thông qua hệ thống phần mềm quản trị đào tạo, giảng viên có thể tương tác và quản lý quá trình học tập của sinh viên. Đây là chiến lược quan trọng nhằm chuyển đổi kỹ thuật số trong quá trình đào tạo ngành Bảo hiểm.

1.8.7. Chiến lược tự học.

Chiến lược tự học giúp cho người học tiếp thu kiến thức và hình thành các kỹ năng để có thể tự định hướng, chủ động trong việc học. Người học có cơ hội lựa chọn chủ đề học, khám phá và nghiên cứu sâu về một vấn đề. Từ đó, người học hình thành các kỹ năng quản lý thời gian và tự giám sát việc học. Phương pháp học theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm áp dụng chủ yếu là bài tập ở nhà.

- **Bài tập ở nhà (Work Assignment):** theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

Các phương pháp dạy học nói trên giúp cho người học đạt được chuẩn đầu ra (PLOs), được thể hiện trong bảng 1.6 dưới đây.

Bảng 1.6. Mối liên hệ giữa chiến lược và phương pháp dạy-học (TLMs) để đạt được chuẩn đầu ra (PLOs)

Chiến lược và phương pháp dạy - học		PLOS															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Dạy học trực tiếp																
TLM1	Giải thích cụ thể	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TLM2	Thuyết giảng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TLM3	Tham luận	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x	x	x	x
TLM4	Câu hỏi gợi mở	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
II	Dạy học dựa vào hoạt động - trải nghiệm																
TLM5	Trò chơi	x	x	x		x										x	x
TLM6	Thực tập, thực tế		x		x	x	x					x	x	x	x	x	

Chiến lược và phương pháp dạy - học		PLOS															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
TLM7	Thảo luận	x	x		x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x
III	Dạy kỹ năng tư duy																
TLM8	Giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
TLM9	Học theo tình huống	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x
IV	Dạy học tương tác																
TLM10	Học nhóm	x	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
V	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy																
TLM11	Nghiên cứu độc lập		x	x	x	x	x	x				x	x		x		x
TLM12	Dự án nghiên cứu		x		x	x	x	x				x	x	x			x
TLM13	Nhóm nghiên cứu giảng dạy							x			x						x
VI	Dạy học dựa vào công nghệ																
TLM14	Học trực tuyến	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
VII	Tự học																
TLM15	Bài tập ở nhà	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

1.9. Chiến lược và phương pháp đánh giá (AMs)

Đánh giá kết quả của người học là quá trình ghi chép, lưu trữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, công bằng, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục định kỳ. Yêu cầu về tiêu chí đánh giá cụ thể được Nhà trường, Khoa thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi tham dự học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người dự học, phụ huynh và nhà quản lý; được tổng hợp, phân tích định kỳ. Từ đó, Nhà trường, Khoa, Bộ môn, giảng viên kịp thời có những giải pháp, điều chỉnh, cải tiến về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy và học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phân môn học để lựa chọn các phương pháp, nội dung đánh giá phù hợp, đảm bảo cung

cấp đây đều thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành được chia thành 02 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment). Các hình thức, nội dung đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế đào tạo tiện hành của nhà trường và quy định cụ thể trong đề cương giảng dạy của từng học phần.

1.9.1. Đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment)

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được UEF, Khoa áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (attendance check), đánh giá bài tập (work assignment), làm việc nhóm (teamwork), thuyết trình (oral presentation).

• Đánh giá chuyên cần (Attendance Check):

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên, đầy đủ các buổi học trên giảng đường, phòng thực hành, các buổi tham quan doanh nghiệp,... trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp cho người học tập cận kiên thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt và đúng đắn, chấp hành tốt nội quy, nề nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo các rubric tùy thuộc vào tính chất học phân quy định (lý thuyết, thực hành, đo án, thực tập,...).

• Đánh giá bài tập (Work Assignment):

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân hoặc một nhóm người học được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.

• Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation):

Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiên thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của người học có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như rubric 4.

1.9.2. Đánh giá tổng kết, định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment)

Mục tiêu của lại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy- học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, đánh giá

cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được Nhà trường, Khoa sử dụng loại đánh giá này gồm: kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), thuyết trình (oral presentation), đánh giá làm việc nhóm (teamwork assessment), thực hành (practice), báo cáo thực tập, khóa luận/chuyên đề tốt nghiệp (graduation report/Thesis).

- **Kiểm tra viết** (Written Exam):

Theo phương pháp đánh giá này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp này là thang điểm 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

- **Kiểm tra trắc nghiệm** (Multiple Choice Exam):

Phương pháp này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án đã được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này người học trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng như được thiết kế trong đề thi.

- **Bảo vệ và thi vấn đáp** (Oral Exam):

Trong phương pháp đánh giá này, người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá này được thể hiện trong rubric 5.

- **Viết báo cáo** (Written Report):

Người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ,... trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo rubric.

- **Thuyết trình** (Oral Presentation):

Phương pháp này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá theo tiên trình theo rubric 4, Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

- **Đánh giá làm việc nhóm** (Teamwork Assessment):

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của người học (như: tổ chức, quản lý, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; hoạt động nhóm; phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm).

- **Thực hành** (practice):

Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu thực hành phát triển các kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

- **Báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp** (graduation report, Thesis):

Báo cáo thực tập tốt nghiệp, chuyên đề hay khóa luận tốt nghiệp được đánh giá

bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo.

Bảng 1.7. Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá (AMs) nhằm đạt Chuẩn đầu ra (PLOS)

Phương pháp đánh giá		PLOS															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Đánh giá theo tiến trình																
AM1	Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM2	Đánh giá bài tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM3	Đánh giá thuyết trình	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
11	Đánh giá tổng kết, định kỳ																
AM4	Kiểm tra viết	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM5	Kiểm tra trắc nghiệm	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM6	Bảo vệ và thi vấn đáp	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
AM7	Viết báo cáo					x	x	x	x		x	x	x	x	x		
AM8	Đánh giá làm việc nhóm	x	x		x	x	x		x	x		x	x	x	x	x	x
AM9	Thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM10	Báo cáo thực tập, cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		

1.10. Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)

Bảng 1.8. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
PLO1: Người học vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và các kiến thức pháp luật Việt Nam vào giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tiễn	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	TLM1, TLM2, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM1, TLM2, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1,AM2,AM3,AM8
	ASXH0322H	Nhập môn an sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TKBH1322H	Thống kê bảo hiểm	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8,	AM1, AM2, AM5

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
		Nam	TLM10, TLM15	
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM5
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TM1, TLM8, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TM1, TLM8, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	ĐLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	QSUC1421L	Quân sự chung	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM8, TLM10	AM1, AM5
	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	TLM1, TLM2, TLM6, TLM9, TLM10	AM1. AM9
	TDDK1421T	Thẻ đục - Điện kinh	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM9
	BOC11421T	Bóng chuyền 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM9

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	BOC21421T	Bóng chuyên 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM9
	BOR11421T	Bóng rổ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM9
	BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM9
	CAL11421T	Cầu lông 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM9
	CAL21421T	Cầu lông 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM9
	COV11421L	Cờ vua 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM6, AM9
	COV21421L	Cờ vua 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM6, AM9
	COV31421L	Cờ vua 3	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM6, AM9
PLO2: Người học vận dụng được các kiến thức cơ bản về toán học, phương pháp nghiên cứu, khoa học tự nhiên	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM1, TLM2, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1,AM2,AM3,AM8
	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1, TLM2,TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học	TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM8
	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
đề phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.	TKBH1322H	Thống kê bảo hiểm	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5, AM8
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6	AM1, AM2
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TM1, TLM8, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TM1, TLM8, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
PLO3: Người học vận dụng được các nguyên lý cơ bản của kinh tế thị trường, kế toán, tài chính tiền tệ, marketing, quản trị nhân lực và quản trị học	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	TLM1, TLM2, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2
	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM1, TLM2, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM5

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
trong phân tích các các hoạt động kinh doanh của các tổ chức cũng như các vấn đề kinh tế cơ bản của nền kinh tế.	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4
	KTĐT0422H	Kinh tế đầu tư	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TCB20422H	Tài chính bảo hiểm 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TKBH1322H	Thống kê bảo hiểm	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TM1, TLM8, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TM1, TLM8, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5	
PLO4: Người học hiểu và vận dụng các nguyên lý về kinh doanh bảo	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NLBH0422H	Nguyên lý bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM5
	KTĐT0422H	Kinh tế đầu tư	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
hiểm, bảo hiểm xã hội, quản trị rủi ro, tài chính bảo hiểm, hoạt động đầu tư để giải quyết công việc.	LTBH0422H	Lý thuyết bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TĐDA0422H	Thẩm định dự án đầu tư	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8	AM1, AM2
	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TCB10422H	Tài chính bảo hiểm 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCB20422H	Tài chính bảo hiểm 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PNT10422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PNT20422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	BHNT0422H	Bảo hiểm nhân thọ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KDB10422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KDB20422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NVBH0422H	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM5
	QTBH0422H	Quản trị bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4	AM1, AM3, AM4
	BHHT0423H	Bảo hiểm hưu trí	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	BHTN0422H	Bảo hiểm thất nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM3
	PTBH0423H	Phân tích tài chính bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM5
BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM5	

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TKBH1322H	Thống kê bảo hiểm	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TBHI0422L	Tái bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLTH0422L	Quản lý thu bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLCH0422L	Quản lý chi trả bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLHS0422L	Quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLTD0422L	Quản lý thu khối doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	XHTN0422L	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM2, AM5
	GĐYT0422L	Giám định bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	ĐPBH0422L	Định phí bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	GĐBT0422L	Giám định bồi thường bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLĐL0422L	Quản lý đại lý bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM4, AM7
	BHTG0423H	Bảo hiểm tiền gửi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2
	TCDN0422L	Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM4, AM5
	TTCK0424T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM7
	ĐTBH0423L	Đầu tư tài chính bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CSBH0423L	Hoạch định chính sách bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KLTN0426K	Khóa luận tốt nghiệp	TM1, TLM6, TLM11, TLM15	-
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TM1, TLM8, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TM1, TLM8, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
PLO5: Người học vận dụng, phân tích, đánh giá các tình huống thực tiễn để giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, giải quyết các nghiệp vụ thương mại, tài chính bảo hiểm ở doanh nghiệp bảo hiểm để đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm của	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2
	LKTE1022H	Luật kinh tế	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NLBH0422H	Nguyên lý bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM5
	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4
	KTĐT0422H	Kinh tế đầu tư	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	LLĐO1022H	Luật lao động	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	TĐDA0422H	Thẩm định dự án đầu tư	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8	AM1, AM2
	TCB10422H	Tài chính bảo hiểm 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCB20422H	Tài chính bảo hiểm 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
PNT10422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4	

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
người học sau khi tốt nghiệp.	PNT20422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	BHNT0422H	Bảo hiểm nhân thọ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KDB10422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KDB20422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NVBH0422H	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM5
	QTBH0422H	Quản trị bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4	AM1, AM3, AM4
	BHHT0423H	Bảo hiểm hưu trí	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	BHTN0422H	Bảo hiểm thất nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM3
	THBH0423H	Tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PTBH0423H	Phân tích tài chính bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM5
	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM5
	TCN10422T	Tin học chuyên ngành 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TCN20422T	Tin học chuyên ngành 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TKBH1322H	Thống kê bảo hiểm	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TBHI0422L	Tái bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLTH0422L	Quản lý thu bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLCH0422L	Quản lý chi trả bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLHS0422L	Quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4
QLTD0422L	Quản lý thu khối doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5	

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	XHTN0422L	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM2, AM5
	GĐYT0422L	Giám định bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	ĐPBH0422L	Định phí bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	GĐBT0422L	Giám định bồi thường bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLĐL0422L	Quản lý đại lý bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM4, AM7
	BHTG0423H	Bảo hiểm tiền gửi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2
	TCDN0422L	Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM4, AM4
	TTCK0424T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM7
	ĐTBH0423L	Đầu tư tài chính bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	CSBH0423L	Hoạch định chính sách bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KLTN0426K	Khóa luận tốt nghiệp	TM1, TLM6, TLM11, TLM15	-
	TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5, AM8
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8,	AM1, AM2

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM10, TLM15	
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	PLDC0722H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6	AM1, AM2
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TM1, TLM8, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TM1, TLM8, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	TM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM2, AM4
PLO6: Người học có các kỹ năng quản trị, các kỹ năng đánh giá rủi ro, các kỹ năng về phân tích tài chính, các kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giao tiếp và thuyết trình. Đồng thời thuần thục	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	TLM1, TLM2, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM1, TLM2, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM5
	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NLBH0422H	Nguyên lý bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM5
	KTĐT0422H	Kinh tế đầu tư	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
các kỹ năng giải quyết các chế độ chính sách bảo hiểm, các nghiệp vụ bảo hiểm.	LTBH0422H	Lý thuyết bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4
	ASXH0322H	Nhập môn an sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
	TĐDA0422H	Thẩm định dự án đầu tư	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8	AM1, AM2
	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TCB10422H	Tài chính bảo hiểm 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCB20422H	Tài chính bảo hiểm 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	BHNT0422H	Bảo hiểm nhân thọ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NVBH0422H	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM5
	BHHT0423H	Bảo hiểm hưu trí	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	THBH0423H	Tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TCN10422T	Tin học chuyên ngành 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TCN20422T	Tin học chuyên ngành 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TKBH1322H	Thống kê bảo hiểm	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TBHI0422L	Tái bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLTH0422L	Quản lý thu bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4
QLCH0422L	Quản lý chi trả bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4	

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	QLHS0422L	Quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLTD0422L	Quản lý thu khối doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	GĐYT0422L	Giám định bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	ĐPBH0422L	Định phí bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLĐL0422L	Quản lý đại lý bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM4, AM7
	BHTG0423H	Bảo hiểm tiền gửi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2
	ĐTBH0423L	Đầu tư tài chính bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	CSBH0423L	Hoạch định chính sách bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KLTN0426K	Khóa luận tốt nghiệp	TM1, TLM6, TLM11, TLM15	-
	TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5, AM8
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6	AM1, AM2

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	TM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM2, AM4
PLO7: Có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và khả năng xử lý số liệu để giải quyết công việc	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2
	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM1, TLM2, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM5
	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KTĐT0422H	Kinh tế đầu tư	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học	TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM8
	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TCB20422H	Tài chính bảo hiểm 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TKBH1322H	Thống kê bảo hiểm	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	QLTD0422L	Quản lý thu khối doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	GĐYT0422L	Giám định bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	ĐPBH0422L	Định phí bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	BHTG0423H	Bảo hiểm tiền gửi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2
	ĐTBH0423L	Đầu tư tài chính bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KLTN0426K	Khóa luận tốt nghiệp	TM1, TLM6, TLM11, TLM15	-
TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8,	AM1, AM2	

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM10, TLM15	
PLO8: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để phản biện ý kiến trước tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết công việc.	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2
	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM1, TLM2, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1,AM2,AM3,AM8
	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KTĐT0422H	Kinh tế đầu tư	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1, TLM2,TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học	TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM8
	TCB20422H	Tài chính bảo hiểm 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PNT10422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PNT20422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TKBH1322H	Thống kê bảo hiểm	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	QLTD0422L	Quản lý thu khối doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	GĐYT0422L	Giám định bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	GĐBT0422L	Giám định bồi thường bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TTCK0424T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7 TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM7
ĐTBH0423L	Đầu tư tài chính bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4	

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	KLTN0426K	Khóa luận tốt nghiệp	TM1, TLM6, TLM11, TLM15	-
	TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM5
	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	TM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM2, AM4
PLO9: Người học có kỹ năng đánh giá việc	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
thực hiện các công việc của mình và của tập thể nhằm đề xuất những giải pháp giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm, phân tích tài chính, hoạt động đầu tư.	LKTE1022H	Luật kinh tế	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NLBH0422H	Nguyên lý bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM5
	KTĐT0422H	Kinh tế đầu tư	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	LLĐO1022H	Luật lao động	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TCB10422H	Tài chính bảo hiểm 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	PNT10422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PNT20422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	BHNT0422H	Bảo hiểm nhân thọ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KDB10422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KDB20422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TKBH1322H	Thống kê bảo hiểm	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	QLTD0422L	Quản lý thu khôi doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	GĐYT0422L	Giám định bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	GĐBT0422L	Giám định bồi thường bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TCDN0422L	Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM4, AM4
	TTCK0424T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM7

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	KLTN0426K	Khóa luận tốt nghiệp	TM1, TLM6, TLM11, TLM15	-
	TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	PLDC0722H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8
	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	TM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM2, AM4
PLO10: Người học có các kỹ năng thúc đẩy sự tương tác trong giao	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	TLM1, TLM2, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM1, TLM2, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM5

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
tiếp, khích lệ và hỗ trợ làm việc giữa các cá nhân và tập thể.	LKTE1022H	Luật kinh tế	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	LLĐO1022H	Luật lao động	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PNT10422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PNT20422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KDB10422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KDB20422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TCN10422T	Tin học chuyên ngành 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TCN20422T	Tin học chuyên ngành 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM9
	QLTD0422L	Quản lý thu khối doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	GĐYT0422L	Giám định bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	GĐBT0422L	Giám định bồi thường bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLĐL0422L	Quản lý đại lý bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM4, AM7
	TCDN0422L	Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM4, AM4
	KLTN0426K	Khóa luận tốt nghiệp	TM1, TLM6, TLM11, TLM15	-
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4,
KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8,	AM1, AM2	

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM10, TLM15	
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2
	PLDC0722H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8
PLO11: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	TLM1, TLM2, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2
	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM1, TLM2, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM5
	LKTE1022H	Luật kinh tế	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	NLBH0422H	Nguyên lý bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM5

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	LTBH0422H	Lý thuyết bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4
	ASXH0322H	Nhập môn an sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
	LLĐO1022H	Luật lao động	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học	TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM8
	TĐDA0422H	Thẩm định dự án đầu tư	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8	AM1, AM2
	TCB10422H	Tài chính bảo hiểm 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCB20422H	Tài chính bảo hiểm 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PNT10422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PNT20422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	BHNT0422H	Bảo hiểm nhân thọ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NVBH0422H	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM5
	QTBH0422H	Quản trị bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4	AM1, AM3, AM4
	BHHT0423H	Bảo hiểm hưu trí	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	BHTN0422H	Bảo hiểm thất nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM3
	THBH0423H	Tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PTBH0423H	Phân tích tài chính bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM5
	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM5

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TCN10422T	Tin học chuyên ngành 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TCN20422T	Tin học chuyên ngành 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TBHI0422L	Tái bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLTH0422L	Quản lý thu bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLCH0422L	Quản lý chi trả bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLHS0422L	Quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLTD0422L	Quản lý thu khối doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	XHTN0422L	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM2, AM5
	GĐYT0422L	Giám định bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	ĐPBH0422L	Định phí bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	GĐBT0422L	Giám định bồi thường bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLDL0422L	Quản lý đại lý bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM4, AM7
	BHTG0423H	Bảo hiểm tiền gửi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2
	TTCK0424T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM7
	ĐTBH0423L	Đầu tư tài chính bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	CSBH0423L	Hoạch định chính sách bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KLTN0426K	Khóa luận tốt nghiệp	TM1, TLM6, TLM11, TLM15	-
	TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5, AM8
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	PLDC0722H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM3, AM5
	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	TM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM2, AM4
	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
PLO12: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4
	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLTD0422L	Quản lý thu hồi doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	GĐYT0422L	Giám định bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TTCK0424T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM7
	KLTN0426K	Khóa luận tốt nghiệp	TM1, TLM6, TLM11, TLM15	-
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM5
	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	TM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM2, AM4
PLO13: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM1, TLM2, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM5
	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KTĐT0422H	Kinh tế đầu tư	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học	TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM8
	TCB20422H	Tài chính bảo hiểm 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PNT10422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PNT20422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KDB10422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KDB20422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLTD0422L	Quản lý thu khối doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
GĐYT0422L	Giám định bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5	

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	GĐBT0422L	Giám định bồi thường bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TCDN0422L	Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM42 AM4
	ĐTBH0423L	Đầu tư tài chính bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KLTN0426K	Khóa luận tốt nghiệp	TM1, TLM6, TLM11, TLM15	-
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM3, AM5
	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	TM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM2, AM4
PLO14: Lập kế hoạch,	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KTĐT0422H	Kinh tế đầu tư	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TCB20422H	Tài chính bảo hiểm 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	QLTD0422L	Quản lý thu khối doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	GĐYT0422L	Giám định bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	ĐTBS0423L	Đầu tư tài chính bảo hiểm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KLTN0426K	Khóa luận tốt nghiệp	TM1, TLM6, TLM11, TLM15	-
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5
	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	TM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM2, AM4
PLO 15: Người học tốt nghiệp có trình độ Tiếng Anh đạt TOEIC 550 điểm hoặc tương đương; Có khả năng đọc	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TM1, TLM2, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM3, AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TM1, TLM2, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM3, AM5
	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	TM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM2, AM4

Chuẩn đầu ra PLOs	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
hiểu tài liệu tiếng Anh trong lĩnh vực của chuyên môn đào tạo				
PLO 16: Người học tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tin học cơ bản đạt chuẩn đầu ra quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương. Sử dụng thành thạo phần mềm cần thiết phục vụ công việc chuyên môn.	TCN10422T	Tin học chuyên ngành 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TCN20422T	Tin học chuyên ngành 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY:

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy:

Kiến thức toàn khóa học: 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (8 TC) không tích lũy. Trong đó:

Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy ngành Bảo hiểm

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	12	9,92
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	18	14,87
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	57	47,11
1.4	Kiến thức nền tảng rộng	24	19,83
1.4.1	Khoa học tự nhiên	7	5,79
1.4.2	Khoa học chính trị	11	9,09
1.4.3	Pháp luật	2	1,65
1.4.4	Tin học	4	3,31
1.5	Kiến thức khác ngành	2	1,65
1.6	Kiến thức đại cương khác	8	6,61
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	8	6,61
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (8 tín chỉ) không tích lũy		
Tổng cộng:		121	100%

2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy:

2.2.1. Khối kiến thức cơ bản, nền tảng ngành (12 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Hệ thống các kiến thức tổng quát về kinh tế học Vĩ mô, kinh tế học Vi mô.
- Hệ thống các kiến thức cơ bản về marketing và pháp Luật kinh tế.
- Hệ thống kiến thức, vai trò, nguyên tắc cơ bản được áp dụng về nguyên lý kế toán và thống kê.

2.2.2. Khối kiến thức cơ sở ngành cốt lõi (18 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Kiến thức nền tảng và hiện đại về quản trị rủi ro.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về nguyên lý tiền lương.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Kinh tế đầu tư.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Nguyên lý kế toán.

- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Nguyên lý bảo hiểm và hệ thống an sinh xã hội.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Kinh tế lượng, luật lao động và điều tra xã hội học.

2.1.3. Khối kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ (57 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Kiến thức chuyên sâu và công cụ: tài chính bảo hiểm, phân tích tài chính bảo hiểm, quản lý đại lý bảo hiểm, tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm, thống kê bảo hiểm, thực hiện bảo hiểm xã hội, phần mềm bảo hiểm xã hội, quản lý thu, chi, quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội.
- Kiến thức chuyên sâu về bảo hiểm: bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ, định phí bảo hiểm, tái bảo hiểm, các chế độ bảo hiểm xã hội bao gồm: hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản, tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, giám định bảo hiểm y tế.
- Kiến thức chuyên sâu về quản trị: quản trị kinh doanh bảo hiểm, quản trị bảo hiểm xã hội.
- Ứng dụng các kiến thức vào học phần thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên.

2.1.4. Kiến thức nền tảng rộng (24 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Tư duy toán học, có thể vận dụng các mô hình toán học thông dụng của xác suất – thống kê, toán cao cấp để đo lường, đánh giá, phân tích các đại lượng kinh tế.
- Kiến thức hệ thống triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học, những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Có thể vận dụng các nguyên lý cơ bản, tư tưởng và đường lối để giải thích các hiện tượng, quá trình kinh tế - xã hội.
- Chính sách, pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực kinh tế xã hội.
- Các công cụ xử lý, lưu trữ thông tin thông dụng trên máy tính, các ứng dụng tin học văn phòng để giải quyết công việc hàng ngày.

2.1.5. Kiến thức ngành gần, khác ngành (2 tín chỉ)

- Nắm vững kiến thức về tâm lý học để làm nền tảng cho việc ứng dụng vào lĩnh vực bảo hiểm.
- Kỹ năng soạn thảo văn bản, thuyết trình, làm việc nhóm, lập kế hoạch, phát

hiện và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực bảo hiểm.

- Có tư duy về nghiên cứu khoa học; hiểu các quy luật cơ bản của logic hình thức; suy luận; chứng minh và bác bỏ; giả thuyết.

2.1.6. Kiến thức đại cương khác (8 tín chỉ):

- Kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ.
- Kiến thức khoa học cơ bản trong thể dục thể thao và quá trình tự rèn luyện phát triển thể chất.
- Nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới.

Bảng 2.2. Ma trận liên hệ giữa các khối kiến thức và chuẩn đầu ra (PLOs)

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Chuẩn đầu ra (PLOs)																
		SL	%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	12	9,92		H		M							M						
2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	18	14,87			M	M	L	L	M	M	M	H	H						
3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	57	47,11	M	M		H	H	H	H	M	H		H	M	M	M			
4	Kiến thức nền tảng rộng	24	19,83	H	H		H	M	M						H	H	H			H
5	Kiến thức khác ngành	2	1,65		M					H	M	M								
6	Kiến thức đại cương khác	8	6,61	M	M	H	M	H	H			H	H		H	H	H	H	H	

Chú thích: H - Cao, M - Trung bình, L - Thấp

2.3. Danh sách học phần:

Bảng 2.3. Danh sách các học phần trong chương trình giảng dạy ngành Bảo hiểm

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành				12						
1.1.1	Các học phần bắt buộc			12						
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	3					
1.1.1.2	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	3					
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	Statistics theory	2	2			TCC21122L		
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật kinh tế	Economic law	2	2					
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản	Marketing principles	2	2					
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi				18						
1.2.1	Các học phần bắt buộc			14						
1.2.1.1	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	Risk Management	2	2					
1.2.1.2	NLBH0422H	Nguyên lý bảo hiểm	The principle of insurance	2	2					
1.2.1.3	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	Salary principles	2	2					
1.2.1.4	KTĐT0422H	Kinh tế đầu tư	Investment Economics	2	2					
1.2.1.5	LTBH0422H	Lý thuyết bảo hiểm xã hội	Social insurance basic	2	2					
1.2.1.6	ASXH0322H	Nhập môn an sinh xã hội	Introduction to social security	2	2					
1.2.1.7	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	Accounting Principles 1	2	2					
1.2.2	Các học phần tự chọn (Chọn 1 HP trong tổ hợp)			4						
	Các học phần tự chọn (chọn 1/3)			2						
1.2.2.1	KTLU1122H	Kinh tế lượng	Econometrics		2					
1.2.2.2	LLĐO1022H	Luật lao động	Labour law	2	2					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.2.2.3	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học	Sociological survey							
		Các học phần tự chọn (chọn 1/2)		2						
1.2.2.4	TĐDA0422H	Thẩm định dự án đầu tư	Investment projects Appraise							
1.2.2.5	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	Stock market							
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ				57						
1.3.1	Các học phần bắt buộc			39						
1.3.1.1	TCB10422H	Tài chính bảo hiểm 1	Insurance finance 1	2	2					
1.3.1.2	TCB20422H	Tài chính bảo hiểm 2	Insurance finance 2	2	2				TCB10422H	
1.3.1.3	PNT10422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 1	Non - Life insurance 1	2	2				NLBH0422H	
1.3.1.4	PNT20422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 2	Non - Life insurance 2	2	2				PNT10422H	
1.3.1.5	BHNT0422H	Bảo hiểm nhân thọ	Life insurance	2	2				NLBH0422H	
1.3.1.6	KDB10422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	Insurance business management 1	2	2					
1.3.1.7	KDB20422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	Insurance business management 2	2	2				KDB10422H	
1.3.1.8	NVBH0422H	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	Short - term social insurance	2	2					
1.3.1.9	QTBH0422H	Quản trị bảo hiểm xã hội	Social insurance management	2	2					
1.3.1.10	BHHT0423H	Bảo hiểm hưu trí	Pension insurance	3	3				LTBH0422H	
1.3.1.11	BHTN0422H	Bảo hiểm thất nghiệp	Unemployment insurance	2	2				LTBH0422H	
1.3.1.12	THBH0423H	Tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội	Organizing the implementation of social insurance	3		3				
1.3.1.13	PTBH0423H	Phân tích tài chính bảo hiểm	Financial insurance analysis	3	3					
1.3.1.14	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	Public health insurance	2						

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.1.15	TCN10422T	Tin học chuyên ngành 1	Applied informatics in insurance 1	2		2				
1.3.1.16	TKBH1322H	Thống kê bảo hiểm	Insurance statistics	2	2				NLTK1322H	
1.3.1.17	TCN20422T	Tin học chuyên ngành 2	Applied informatics in insurance 2	2		2				
1.3.1.18	TBHI0422L	Tái bảo hiểm	Reinsurance	2	2					
1.3.2	Các học phần tự chọn (Chọn 1 HP trong tổ hợp)			10						
	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)			2						
1.3.2.1	QLTH0422L	Quản lý thu bảo hiểm xã hội	Receivables management of social insurance fund		2					
1.3.2.2	QLCH0422L	Quản lý thu khối doanh nghiệp	Receivables management in enterprise section		2					
	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)			2						
1.3.2.3	QLCH0422L	Quản lý chi trả bảo hiểm xã hội	Expanditures management of social insurance fund		2					
1.3.2.4	QLHS0422L	Quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội	Social insurance records management		2					
	Các học phần tự chọn (chọn 1/3)			2						
1.3.2.5	XHTN0422L	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	Voluntary social insurance		2					
1.3.2.6	GĐYT0422L	Giám định bảo hiểm y tế	Health insurance assessment		2					
1.3.2.7	ĐPBH0422L	Định phí bảo hiểm	Actuary		2					
	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)			2						
1.3.2.8	GĐBT0422L	Giám định bồi thường	Insurance claims handling		2					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
		bảo hiểm								
1.3.2.9	QLĐL0422L	Quản lý đại lý bảo hiểm	Agent insurance management		2					
		Các học phần tự chọn (chọn 1/2)		2						
1.3.2.10	BHTG0422H	Bảo hiểm tiền gửi	Deposit insurance		2					
1.3.2.11	TCDN0422L	Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm	Insurance enterprises management		2					
1.3.3	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	Final Internship	4				4		
1.3.4		Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)		6						
1.3.4.1	ĐTBH0423L	Đầu tư tài chính bảo hiểm	Financial Insurance Investment	3	3					
1.3.4.2	CSBH0423L	Hoạch định hính sách bảo hiểm xã hội	Planning social insurance policy	3	3					
1.3.4.3	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	6			6			
1.4 Kiến thức nền tảng rộng				24						
1.4.1 Khoa học tự nhiên				5						
1.4.1.1	99TCC21122L	Toán cao cấp 2	Advanced mathematics 2	2	2					
1.4.1.2	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Probability and Statistics	3	3					
1.4.2 Khoa học chính trị				11						
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	Marxist - Leninist philosophy	3	3					
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist - Leninist political economy	2	2					
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2					
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	2					
1.4.3 Pháp luật				2						
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	General law	2	2					
1.4.4 Tin học				4						
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	2	2					
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	2	2					
1.5 Kiến thức khác ngành				2						
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/4)			2						
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Text Editor	2	2					
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Scientific research methodology		2					
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	Logics		2					
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	General Psychology		2					
1.6 Kiến thức đại cương khác				11						
1.6.1 Ngoại ngữ				8						
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	2	2					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	3				TAC10622H	
1.6.1.3	TABH0622H	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	English for Insurance	3	3					
1.6.2 Giáo dục thể chất (3 TC)										
1.6.2.1 Các học phần bắt buộc				1	1					
	TĐĐK1421T	Thể dục - Điền kinh	Gymnastics and Athletics	1	1					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.6.2.2	Các học phần tự chọn (2/6 HP)				2	2				
	BOC11421T	Bóng chuyền 1	Volley ball 1	1	1					
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	Volley ball 2	1	1					
	BOR11421T	Bóng rổ 1	Basketball 1	1	1					
	BOR21421T	Bóng rổ 2	Basketball 2	1	1					
	CLO11421T	Cầu lông 1	Badminton 1	1	1					
	CLO21421T	Cầu lông 2	Badminton 2	1	1					
	Các học phần dành cho sinh viên hạn chế về sức khỏe									
	COV11421L	Cờ vua 1	Chess 1	1	1					
	COV21421L	Cờ vua 2	Chess 2	1	1					
	COV31421L	Cờ vua 3	Chess 3	1	1					
1.6.3	Giáo dục quốc phòng (165 tiết)									
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	National defense and security guidelines of Vietnam communist party	3	3					
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	National defense and security	2	2					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	General military	1	1					
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry combat techniques and tactics	2		2				
Tổng cộng				121						

2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Bảng 2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra CTĐT	KIẾN THỨC					KỸ NĂNG					NĂNG LỰC TỰ CHỦ, CHỊU TRÁCH NHIỆM				TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ, TIN HỌC	
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16
Kinh tế vi mô		3	4						4	4		4				
Kinh tế vĩ mô		3	4			4	4				4	4				
Nguyên lý thống kê				3	3		3	4	4		4	4				
Luật kinh tế					4				5	5	5					
Marketing căn bản	3		4			3	4			4	4		4			
Quản trị rủi ro			3	3	3	4	4	4	5				3	3		
Nguyên lý bảo hiểm				3	3				3	3			3			
Nguyên lý tiền lương			3		4							4				
Kinh tế đầu tư			3	3	3	4	4	4	5				3	3		
Lý thuyết bảo hiểm xã hội				3		4					4					
Nhập môn an sinh xã hội				4		2					3					
Nguyên lý kế toán 1			3								4					
Kinh tế lượng		3										4				
Luật lao động					4				5	5	5					
Điều tra xã hội học		4					3	3			3		3			

Thẩm định dự án đầu tư				3	3	3	3				3					
Thị trường chứng khoán				3	3	3	3				3					
Tài chính bảo hiểm 1				3	3	3			3		3					
Tài chính bảo hiểm 2				3	3	3			3		3					
Bảo hiểm phi nhân thọ 1				3	3	3			3		3					
Bảo hiểm phi nhân thọ 2				3	3	3			3		3					
Bảo hiểm nhân thọ				3	3				3	3			3			
Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1				3	3				3	3			3			
Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2				3	3				3	3			3			
Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội				3	3	3					4					
Quản trị bảo hiểm xã hội				3	3						4					
Bảo hiểm hưu trí				3	4	4			3		3					
Bảo hiểm thất nghiệp				3	3	3	4		4	4	4	4				
Tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội					3	4					4					
Phân tích tài chính bảo hiểm				3	3						3					
Bảo hiểm y tế				3	3						4					
Tin học chuyên ngành bảo hiểm 1					4		3			3	3	3	3			
Thống kê bảo hiểm			3	3	3	4	4	4	4							
Tin học chuyên ngành Bảo hiểm 2					4		3			3	3	3	3			
Tái bảo hiểm				3	3	3					3					
Quản lý thu bảo hiểm xã hội				3	4	4					3					
Quản lý thu khối doanh nghiệp				3	4	4					3					
Quản lý chi trả bảo hiểm xã hội				3	4	4					3					
Quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội				3	4	4					3					

Bảo hiểm xã hội tự nguyện				4	4						3					
Giám định bảo hiểm y tế		3		4	4	4	4	3	3	3	3	3	3	3		
Định phí bảo hiểm				3	3	4	4				3					
Giám định bồi thường bảo hiểm				3	3		4		4		4		4			
Quản lý đại lý bảo hiểm				3	3		4		4		4		4			
Bảo hiểm tiền gửi				3	3	4	4				3					
Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm				3	3		4		4		4		4			
Thực tập cuối khóa				4	4	4	4	4	4	4	4	4				
Đầu tư tài chính bảo hiểm			3	3	3	4	4	4	5				3	3		
Hoạch định chính sách bảo hiểm xã hội			3	3	4						4					
Khóa luận tốt nghiệp				5	5	4	4	4	4	4	5	5	5	5		
Toán cao cấp 2		3										4				
Lý thuyết xác suất và thống kê toán		4										3				
Triết học Mác - Lênin	4											4				
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	4											4				
Tư tưởng Hồ Chí Minh	4											4				
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4											4				
Chủ nghĩa xã hội khoa học	4											4				
Pháp luật đại cương					4				5	5	5					
Tin học cơ bản 1		4					5	5	5		5					4
Tin học cơ bản 2		4					5	5	5		5					4
Soạn thảo văn bản	4							5	5	5						
Phương pháp luận nghiên cứu khoa học		4									4					

Logic học		4									4					
Tâm lý học đại cương	3		3					3			3	3	3			
Tiếng Anh cơ bản 1	4	4	4	5	5											
Tiếng Anh cơ bản 2	4	4	4	5	5											
Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm					3	3		4	4		3	3	3	3		
Thể dục - Điền kinh	2															
Bóng chuyền 1	2															
Bóng chuyền 2	2															
Bóng rổ 1	2															
Bóng rổ 2	2															
Cầu lông 1	2															
Cầu lông 2	2															
Cờ vua 1	2															
Cờ vua 2	2															
Cờ vua 3	2															
Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	4															
Công tác quốc phòng và an ninh	4															
Quân sự chung	4															
Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4															

2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

Bảng 2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành																	
1.1.1	Các học phần bắt buộc																
1.1.1.1	VìMO0523H	Kinh tế vi mô	x	x							x	x					x
1.1.1.2	VìMO0523H	Kinh tế vĩ mô	x	x		x					x	x					x
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	x			x			x	x							x
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật kinh tế		x					x		x	x					
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản	x	x					x	x	x	x					x
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi																	
1.2.1	Các học phần bắt buộc																
1.2.1.1	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	x	x		x					x						x
1.2.1.2	NLBH0422H	Nguyên lý bảo hiểm	x	x		x											x
1.2.1.3	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	x	x		x											x
1.2.1.4	KTĐT0422H	Kinh tế đầu tư	x	x		x					x						x
1.2.1.5	LTBH0422H	Lý thuyết bảo hiểm xã hội	x	x		x				x							x
1.2.1.6	ASXH0322H	Nhập môn an sinh xã hội	x	x		x											x

TT	Mã HP	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15
1.2.1.7	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	x	x		x											x
1.2.2	Các học phần tự chọn (Chọn 1 HP trong tổ hợp)																
Các học phần tự chọn (chọn 1/3)																	
1.2.2.1	KTLU1122H	Kinh tế lượng	x	x		x			x	x	x	x					x
1.2.2.2	LLĐO1022H	Luật lao động		x					x		x	x					
1.2.2.3	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học		x		x			x		x						x
Các học phần tự chọn (chọn 1/2)																	
1.2.2.4	TĐDA0422H	Thẩm định dự án đầu tư	x	x	x				x	x							
1.2.2.5	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	x	x		x											x
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ																	
1.3.1	Các học phần bắt buộc																
1.3.1.1	TCB10422H	Tài chính bảo hiểm 1	x	x		x											x
1.3.1.2	TCB20422H	Tài chính bảo hiểm 2	x	x		x					x						x
1.3.1.3	PNT10422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 1	x	x		x											x
1.3.1.4	PNT20422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 2	x	x		x											x

TT	Mã HP	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15
1.3.1.5	BHNT0422H	Bảo hiểm nhân thọ	x	x		x											x
1.3.1.6	KDB10422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	x	x		x											x
1.3.1.7	KDB20422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	x	x		x											x
1.3.1.8	NVBH0422H	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	x	x		x											x
1.3.1.9	QTBH0422H	Quản trị bảo hiểm xã hội	x	x		x											x
1.3.1.10	BHHT0423H	Bảo hiểm hưu trí	x	x		x				x							x
1.3.1.11	BHTN0422H	Bảo hiểm thất nghiệp	x	x		x											x
1.3.1.12	THBH0423H	Tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội	x	x		x											x
1.3.1.13	PTBH0423H	Phân tích tài chính bảo hiểm	x	x		x											x
1.3.1.14	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	x	x		x											x
1.3.1.15	TCN10422T	Tin học chuyên ngành bảo hiểm 1	x	x		x			x	x							x
1.3.1.16	TKBH1322H	Thống kê bảo hiểm		x		x			x	x	x	x					x
1.3.1.17	TCN20422T	Tin học chuyên	x	x		x			x	x							x

TT	Mã HP	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII	
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15	
		ngành bảo hiểm 2																
1.3.1.18	TBHI0422L	Tái bảo hiểm	x	x		x											x	
1.3.2	<i>Các học phần tự chọn (Chọn 1 HP trong tổ hợp)</i>																	
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1/2)</i>																	
1.3.2.1	QLTH0422L	Quản lý thu bảo hiểm xã hội	x	x		x				x								x
1.3.2.2	QLCH0422L	Quản lý thu khối doanh nghiệp	x	x		x				x								x
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1/2)</i>																	
1.3.2.3	QLCH0422L	Quản lý chi trả bảo hiểm xã hội	x	x		x				x								x
1.3.2.4	QLHS0422L	Quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội	x	x		x				x								x
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1/3)</i>																	
1.3.2.5	XHTN0422L	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	x	x		x												x
1.3.2.6	GĐYT0422L	Giám định bảo hiểm y tế	x	x		x				x								x
1.3.2.7	ĐPBH0422L	Định phí bảo hiểm	x	x		x												x
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1/2)</i>																	
1.3.2.8	GĐBT0422L	Giảm định bồi	x	x		x												x

TT	Mã HP	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15
		thường bảo hiểm															
1.3.2.9	QLDL0422L	Quản lý đại lý bảo hiểm	x	x		x											x
	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)																
1.3.2.10	BHTG0422H	Bảo hiểm tiền gửi	x	x		x											x
1.3.2.11	TCDN0422L	Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm	x	x		x											x
1.3.3	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa															
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)																
1.3.4.1	ĐTBH0423L	Đầu tư tài chính bảo hiểm	x	x		x					x						x
1.3.4.2	CSBH0423L	Hoạch định chính sách bảo hiểm xã hội	x	x		x											x
1.3.4.3	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	x						x				x				x
1.4 Kiến thức nền tảng rộng																	
1.4.1 Khoa học tự nhiên																	
1.4.1.2	TCC21122L	Toán cao cấp 2	x	x		x			x	x		x					x

TT	Mã HP	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	x	x		x			x	x		x					x
1.4.2 Khoa học chính trị																	
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	x	x		x			x	x		x					x
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x		x			x	x		x					x
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x		x			x	x		x					x
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x		x			x	x		x					x
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x		x			x			x					x
1.4.3 Pháp luật																	
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương		x					x		x	x					
1.4.4 Tin học																	
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	x	x		x			x	x							x
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	x	x		x			x	x							x

TT	Mã HP	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15
1.5 Kiến thức khác ngành																	
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/4)																
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	x	x		x			x	x	x	x					x
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	x	x		x			x			x		x			x
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	x	x	x	x	x	x									
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	x	x		x			x								x
1.6 Kiến thức đại cương khác																	
1.6.1 Ngoại ngữ																	
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	x	x							x		x				x
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	x	x							x		x				x
1.6.1.3	TABH0622H	Tiếng Anh chuyên ngành bảo hiểm	x								x	x	x				
1.6.2.	Giáo dục thể chất (3 TC)																
1.6.2.1	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	x			x			x	x	x	x					x
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	x	x		x	x		x	x	x	x					x

TT	Mã HP	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	x	x		x	x		x	x	x	x					x
1.6.2.4	BOR11421T	Bóng rổ 1	x	x		x	x		x	x	x	x					x
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	x	x		x	x		x	x	x	x					x
1.6.2.6	CAL11421T	Cầu lông 1	x	x		x	x		x	x	x	x					x
1.6.2.7	CAL21421T	Cầu lông 2	x	x		x	x		x	x	x	x					x
1.6.2.8	COV11421T	Cờ vua 1	x	x		x			x	x	x	x					x
1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2	x	x		x			x	x	x	x					x
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3	x	x		x			x	x	x	x					x
1.6.3.	Giáo dục quốc phòng (165 tiết)																
1.6.3.1	ĐLQP1422L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	x	x		x				x							
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	x	x		x				x							
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	x	x					x	x	x		x				
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	x	x					x			x	x				

2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

Bảng 2.6. Bảng ma trận phương pháp đánh giá các học phần đáp ứng chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Tên học phần	I			II						
			AM 1	AM 2	AM 3	AM 4	AM 5	AM 6	AM 7	AM 8	AM 9	AM 10
1.1.1	Các học phần bắt buộc											
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	x	x		x	x					
1.1.1.2	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	x	x	x		x			x		
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	x	x								
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật kinh tế	x									
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản	x	x	x					x		
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi											
1.2.1	Các học phần bắt buộc											
1.2.1.1	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	x	x		x						
1.2.1.2	NLBH0422H	Nguyên lý bảo hiểm	x	x			x					
1.2.1.3	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	x		x	x						
1.2.1.4	KTĐT0422H	Kinh tế đầu tư	x	x		x						
1.2.1.5	LTBH0422H	Lý thuyết bảo hiểm xã hội	x	x		x						
1.2.1.6	ASXH0322H	Nhập môn an sinh xã hội	x	x		x						
1.2.1.7	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	x	x		x	x					
1.2.2	Các học phần tự chọn (Chọn 1 HP trong tổ hợp)											
Các học phần tự chọn (chọn 1/3)												
1.2.2.1	KTLU1122H	Kinh tế lượng	x	x	x						x	
1.2.2.2	LLĐO1022H	Luật lao động	x				x					
1.2.2.3	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học	x	x						x		

TT	Mã HP	Tên học phần	I			II						
			AM 1	AM 2	AM 3	AM 4	AM 5	AM 6	AM 7	AM 8	AM 9	AM 10
Các học phần tự chọn (chọn 1/2)												
1.2.2.4	TĐDA0422H	Thẩm định dự án đầu tư	x	x								
1.2.2.5	TTCK0122H	Thị trường CK	x	x		x						
1.3.1	Các học phần bắt buộc											
1.3.1.1	TCB10422H	Tài chính bảo hiểm 1	x	x		x	x					
1.3.1.2	TCB20422H	Tài chính bảo hiểm 2	x	x		x						
1.3.1.3	PNT10422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 1	x	x		x						
1.3.1.4	PNT20422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 2	x	x		x						
1.3.1.5	BHNT0422H	Bảo hiểm nhân thọ	x	x		x						
1.3.1.6	KDB10422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	x	x		x						
1.3.1.7	KDB20422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	x	x		x						
1.3.1.8	NVBH0422H	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	x	x			x					
1.3.1.9	QTBH0422H	Quản trị bảo hiểm xã hội	x		x	x						
1.3.1.10	BHHT0423H	Bảo hiểm hưu trí	x	x		x						
1.3.1.11	BHTN0422H	Bảo hiểm thất nghiệp	x	x	x							
1.3.1.12	THBH0423H	Tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội	x	x		x						
1.3.1.13	PTBH0423H	Phân tích tài chính bảo hiểm	x	x			x					
1.3.1.14	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	x	x			x					

TT	Mã HP	Tên học phần	I			II							
			AM 1	AM 2	AM 3	AM 4	AM 5	AM 6	AM 7	AM 8	AM 9	AM 10	
1.3.1.15	TCN10422T	Tin học chuyên ngành bảo hiểm 1	x	x								x	
1.3.1.16	TKBH1322H	Thống kê bảo hiểm	v	x		x	x						
1.3.1.17	TCN20422T	Tin học chuyên ngành bảo hiểm 2	x	x								x	
1.3.1.18	TBHI0422L	Tái bảo hiểm	x	x		x							
1.3.2													
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1/2)</i>												
1.3.2.1	QLTH0422L	Quản lý thu bảo hiểm xã hội	x	x		x							
1.3.2.2	QLCH0422L	Quản lý thu khối doanh nghiệp	x	x		x	x						
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1/2)</i>												
1.3.2.3	QLCH0422L	Quản lý chi trả bảo hiểm xã hội	x	x		x							
1.3.2.4	QLHS0422L	Quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội	x	x		x							
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1/3)</i>												
1.3.2.5	XHTN0422L	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	x	x			x						
1.3.2.6	GĐYT0422L	Giám định bảo hiểm y tế	x	x		x	x						
1.3.2.7	ĐPBH0422L	Định phí bảo hiểm	x	x		x							
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1/2)</i>												

TT	Mã HP	Tên học phần	I			II						
			AM 1	AM 2	AM 3	AM 4	AM 5	AM 6	AM 7	AM 8	AM 9	AM 10
1.3.2.8	GĐBT0422L	Giám định bồi thường bảo hiểm	x	x		x						
1.3.2.9	QLĐL0422L	Quản lý đại lý bảo hiểm	x			x			x			
Các học phần tự chọn (chọn 1/2)												
1.3.2.10	BHTG0422H	Bảo hiểm tiền gửi	x	x								
1.3.2.11	TCDN0422L	Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm	x	x		x						
1.3.3	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa										
1.3.4												
1.3.4.1	ĐTBH0423L	Đầu tư tài chính Bảo hiểm	x	x		x						
1.3.4.2	CSBH0423L	Hoạch định chính sách bảo hiểm xã hội	x	x		x						
1.3.4.3	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp										
1.4 Kiến thức nền tảng rộng												
1.4.1 Khoa học tự nhiên												
1.4.1.2	TCC21122L	Toán cao cấp 2	x	x		x				x		
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	x	x				x		x		
1.4.2 Khoa học chính trị												
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	x	x				x				
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác -	x	x								

TT	Mã HP	Tên học phần	I			II						
			AM 1	AM 2	AM 3	AM 4	AM 5	AM 6	AM 7	AM 8	AM 9	AM 10
		Lênin										
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x								
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x			x					
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x			x					
1.4.3 Pháp luật												
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	x				x					
1.4.4 Tin học												
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	x	x							x	
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	x	x							x	
1.5 Kiến thức khác ngành												
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/4)											
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	x	x		x	x					
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	x	x			x					
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	x	x								
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	x	x	x					x		
1.6 Kiến thức đại cương khác												
1.6.1 Ngoại ngữ												
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	x		x		x					

TT	Mã HP	Tên học phần	I			II						
			AM 1	AM 2	AM 3	AM 4	AM 5	AM 6	AM 7	AM 8	AM 9	AM 10
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	x		x		x					
1.6.1.3	TABH0622H	Tiếng Anh chuyên ngành bảo hiểm	x	x		x						
1.6.2.	Giáo dục thể chất (3 TC)											
	Các học phần bắt buộc											
1.6.2.1	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh										x
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1										x
	Các học phần tự chọn (2/6)											
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2										x
1.6.2.4	BORI1421T	Bóng rổ 1										x
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2										x
1.6.2.6	CAL11421T	Cầu lông 1										x
1.6.2.7	CAL21421T	Cầu lông 2										x
	Các học phần dành cho sinh viên hạn chế về sức khỏe											
1.6.2.8	COV11421T	Cờ vua 1						x				x
1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2						x				x
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3						x				x
1.6.3.	Giáo dục quốc phòng											

1.6.3.1	ĐLQP1422L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	x				x					
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh	x				x					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	x				x					
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	x								x	

2.7. Tiến trình giảng dạy:

Bảng 2.7: Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	Tên học phần	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV		
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	
	Học kỳ										
1	Kinh tế vi mô	3	3								
2	Kinh tế vĩ mô	3		3							
3	Nguyên lý thống kê	2		2							
4	Luật kinh tế	2			2						
5	Marketing căn bản	2			2						
6	Quản trị rủi ro	2					2				
7	Nguyên lý bảo hiểm	2			2						
8	Nguyên lý tiền lương	2				2					
9	Kinh tế đầu tư	2			2						
10	Lý thuyết bảo hiểm xã hội	2				2					
11	Nhập môn an sinh xã hội	2	2								
12	Nguyên lý kế toán 1	2			2						
13	Kinh tế lượng	2				2					
14	Luật lao động										
15	Điều tra xã hội học										
16	Thẩm định dự án đầu tư	2				2					
17	Thị trường chứng khoán										
18	Tài chính bảo hiểm 1	2					2				
19	Tài chính bảo hiểm 2	2						2			
20	Bảo hiểm phi nhân thọ 1	2					2				
21	Bảo hiểm phi nhân thọ 2	2						2			
22	Bảo hiểm nhân thọ	2					2				
23	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	2						2			
24	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	2							2		
25	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	2				2					
26	Quản trị bảo hiểm xã hội	2							2		
27	Bảo hiểm hưu trí	3						3			
28	Bảo hiểm thất nghiệp	2						2			
29	Tổ chức thực hiện bảo hiểm	3							3		

TT	Tên học phần	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	Học kỳ									
	xã hội									
30	Phân tích tài chính bảo hiểm	3							3	
31	Bảo hiểm y tế	2					2			
32	Tin học chuyên ngành 1	2					2			
33	Thống kê bảo hiểm	2					2			
34	Tin học chuyên ngành 2	2						2		
35	Tái bảo hiểm	2						2		
36	Quản lý thu bảo hiểm xã hội	2							2	
37	Quản lý thu khối doanh nghiệp									
38	Quản lý chi trả bảo hiểm xã hội	2							2	
39	Quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội									
40	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	2							2	
41	Giám định bảo hiểm y tế									
42	Định phí bảo hiểm									
43	Giám định bồi thường bảo hiểm	2							2	
44	Quản lý đại lý bảo hiểm									
45	Bảo hiểm tiền gửi	2							2	
46	Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm									
47	Thực tập cuối khóa	4								4
48	Đầu tư tài chính bảo hiểm	3								3
49	Hoạch định chính sách bảo hiểm xã hội	3								3
50	Khóa luận tốt nghiệp	6								6
51	Toán cao cấp 2	2	2							
52	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			3					
53	Triết học Mác - Lênin	3		3						
54	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			2					
55	Tư tưởng Hồ chí Minh	2	2							

TT	Tên học phần	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	Học kỳ									
56	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					2			
57	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				2				
58	Pháp luật đại cương	2	2							
59	Tin học cơ bản 1	2	2							
60	Tin học cơ bản 2	2		2						
61	Soạn thảo văn bản	2		2						
62	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học									
63	Logic học									
64	Tâm lý học đại cương									
65	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
66	Tiếng Anh cơ bản 2	2		3						
67	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	3				3				
68	Giáo dục thể chất	3	2	1						
69	Giáo dục quốc phòng - An ninh	8	4	4						
	Tổng cộng	121	15	15	15	15	17	17	17	10

2.8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:

1. Kinh tế vi mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến hành vi của người sản xuất và người tiêu dùng như: Lý thuyết cung cầu hàng hóa và dịch vụ; Độ co giãn của cung và cầu; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất; Các cấu trúc thị trường.

2. Kinh tế vĩ mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản khi xem xét nền kinh tế của quốc gia: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt hay thặng dư thương mại,...

3. Nguyên lý thống kê

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau: Những vấn đề chung của Thống kê học; Thu Thập dữ liệu Thống kê; Tổng hợp Thống kê; Nghiên cứu đặc điểm, bản chất của hiện tượng kinh tế - xã hội; Phân tích hiện tượng kinh tế xã hội theo thời gian; Phân tích biến động của hiện tượng kinh tế xã hội bằng phương pháp chỉ số.

4. Luật kinh tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; Pháp luật về cạnh tranh trong kinh doanh; Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh; Pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

5. Marketing căn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng phát triển và ứng dụng của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing; Đặc tính và hành vi của khách hàng, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường; Bốn công cụ chủ yếu trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chương trình marketing hỗn hợp.

6. Quản trị rủi ro

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần giới thiệu một cách khái quát về rủi ro và một số khái niệm có liên quan; quy trình quản trị rủi ro và các bước cần làm cho quy trình đó; các biện pháp để nhận dạng và đo lường rủi ro; các phương pháp phân tích tổn thất tiềm năng về tài sản, con người và trách nhiệm dân sự; các biện pháp để đối phó với rủi ro bao gồm kiểm soát rủi ro và tài trợ rủi ro.

7. Nguyên lý bảo hiểm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề lý luận chung về bảo hiểm; Cơ sở kỹ thuật cơ bản trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm; Tổ chức hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Hợp đồng bảo hiểm; Thị trường bảo hiểm.

8. Nguyên lý tiền lương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản, chung nhất về tiền lương và các khoản

thu nhập khác của người lao động phát sinh trong quan hệ lao động: Tiền lương tối thiểu, phụ cấp lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác phát sinh trong quan hệ lao động, cũng như các kiến thức về chế độ tiền lương và hình thức trả lương

9. Kinh tế đầu tư

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần giới thiệu một cách khái quát những vấn đề liên quan đến đầu tư và đầu tư phát triển; nguồn vốn đầu tư và thị trường vốn; dự án đầu tư và các chu kỳ của dự án đầu tư. Đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến giá trị thời gian của tiền và dòng tiền của dự án đầu tư từ đó vận dụng các phương pháp để phân tích tài chính dự án đầu tư; các phương pháp thẩm định dự án đầu tư.

10. Lý thuyết bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về bảo hiểm xã hội: Khái quát chung về bảo hiểm xã hội và môn học bảo hiểm xã hội; Lịch sử hình thành và phát triển của bảo hiểm xã hội; Chính sách bảo hiểm xã hội; bảo hiểm xã hội một số nước trên thế giới.

11. Nhập môn an sinh xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ASXH: Những nội dung cơ bản về ASXH; Các lý thuyết cơ bản về ASXH trên thế giới; Các mô hình, các thể chế về ASXH; Mô hình ASXH qua các thời kỳ.

12. Nguyên lý kế toán 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như khái niệm, bản chất, chức năng vai trò của kế toán, yêu cầu đối với thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán và phân loại đối tượng kế toán; Các phương tiện kế toán như Chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và hệ thống Báo cáo kế toán.

13. Kinh tế lượng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hoá một mô hình kinh tế, hiểu cơ sở khoa học và kỹ thuật hồi quy đơn biến, đa biến; Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế.

14. Luật lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm 10 chương, tập trung vào 4 vấn đề chính sau: Những vấn đề cơ bản về luật lao động; Những vấn đề cơ bản về việc làm, học nghề, hợp đồng lao động, đối thoại

tại nơi làm việc - thương lượng tập thể - thỏa ước lao động tập thể; Những vấn đề cơ bản về tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, an toàn, vệ sinh lao động; Những vấn đề cơ bản về giải quyết tranh chấp lao động; thanh tra lao động, xử phạt vi phạm pháp luật lao động.

15. Điều tra xã hội học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần đi sâu vào ứng dụng thực nghiệm thông qua các vấn đề xã hội để trang bị cho sinh viên những kiến thức về trình tự các bước tiến hành của một cuộc điều tra xã hội học và những đặc trưng cơ bản của nó.

16. Thẩm định dự án đầu tư

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thẩm định dự án, bao gồm: vị trí và vai trò của công tác thẩm định dự án đầu tư; quy trình thẩm định dự án đầu tư, các phương diện và quan điểm phân tích dự án như phân tích tài chính dự án, phân tích kinh tế xã hội dự án. Đồng thời, học phần cũng trang bị phương pháp thẩm định dự án và tiêu chí thẩm định để sinh viên có đầy đủ các công cụ và phương

17. Thị trường chứng khoán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về thị trường chứng khoán; Hàng hoá trên thị trường chứng khoán; Thị trường chứng khoán sơ cấp; Thị trường chứng khoán thứ cấp; Phân tích chứng khoán.

18. Tài chính bảo hiểm 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về tiền tệ; Tổng quan về tài chính; Ngân sách nhà nước; Tài chính doanh nghiệp; Thị trường tài chính; Các định chế tài chính trung gian; Tín dụng và lãi suất.

19. Tài chính bảo hiểm 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về tiền tệ; Tổng quan về tài chính; Ngân sách nhà nước; Tài chính doanh nghiệp; Thị trường tài chính; Các định chế tài chính trung gian; Tín dụng và lãi suất.

20. Bảo hiểm phi nhân thọ 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về bảo hiểm phi nhân thọ; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm hỏa hoạn.

21. Bảo hiểm phi nhân thọ 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Bảo hiểm hàng hải; Bảo hiểm nông nghiệp; Bảo hiểm con người phi nhân thọ.

22. Bảo hiểm nhân thọ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về bảo hiểm nhân thọ; Cơ sở kỹ thuật của bảo hiểm nhân thọ; Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

23. Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về quản trị kinh doanh bảo hiểm; Thị trường bảo hiểm và Marketing trong kinh doanh bảo hiểm; Doanh nghiệp bảo hiểm; Quản trị khách hàng; Phân tích hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

24. Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp bảo hiểm; Quản trị sản phẩm trong doanh nghiệp bảo hiểm; Quản trị tài chính doanh nghiệp bảo hiểm; Quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Phân tích hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

25. Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm 3 chương, tập trung vào 3 vấn đề chính sau: Bảo hiểm ốm đau; Bảo hiểm thai sản; Bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

26. Quản trị bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị bảo hiểm xã hội: Khái quát những vấn đề cơ bản về quản trị BHXH; các chức năng cơ bản của quản trị bảo hiểm xã hội, Hệ thống tổ chức hoạt động sự nghiệp bảo hiểm xã hội; Các nội dung quản lý đối tượng tham gia, đối tượng hưởng, quản lý thu, chi, đầu tư, cân đối quỹ bảo hiểm xã hội.

27. Bảo hiểm hưu trí

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về bảo hiểm hưu trí gồm: Một số vấn đề chung về bảo hiểm hưu trí; Bảo hiểm hưu trí ở các nước trên thế giới và quá trình hình thành phát triển bảo hiểm hưu trí Việt Nam; Phương pháp luận xác định tuổi nghỉ hưu và thời gian đóng bảo hiểm hưu trí; Tài chính bảo hiểm hưu trí;

Pháp luật về bảo hiểm hưu trí, tử tuất ở Việt Nam.

28. Bảo hiểm thất nghiệp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về bảo hiểm thất nghiệp: Khái quát chung về bảo hiểm thất nghiệp và môn học bảo hiểm thất nghiệp; Tài chính bảo hiểm thất nghiệp; Tình hình thất nghiệp và các chính sách giải quyết người lao động thất nghiệp ở VN; Đo lường thất nghiệp và thống kê trong nghiên cứu bảo hiểm thất nghiệp; Khung pháp luật và tổ chức quản lý bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam.

29. Tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung của học phần bao gồm: Hệ thống các văn bản pháp luật về bảo hiểm xã hội hiện hành; Nghiệp vụ thu bảo hiểm xã hội; Cấp, quản lý và sử dụng sổ bảo hiểm xã hội; Nghiệp vụ chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội.

30. Phân tích tài chính bảo hiểm

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phân tích tài chính trong doanh nghiệp bảo hiểm: Những vấn đề tổng quan về phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm; Hệ thống báo cáo tài chính nói chung và hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp bảo hiểm; Phân tích năng lực tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm.

31. Bảo hiểm y tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về bảo hiểm y tế: Cơ sở lý luận về Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm y tế ở một số nước trên thế giới; tài chính y tế; Phương pháp xác định phí bảo hiểm y tế và thanh toán chi phí khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế; Chính sách Bảo hiểm y tế ở Việt Nam.

32. Tin học chuyên ngành 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quy trình xét duyệt chế độ hưởng bảo hiểm xã hội, quy trình chi trả chế độ bảo hiểm xã hội; Hệ thống thông tin quản lý bảo hiểm xã hội, thực hành xét duyệt chế độ chính sách hưởng bảo hiểm xã hội và quản lý chi trả chế độ hưu trí, tử tuất, chế độ tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp.

33. Thống kê bảo hiểm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần bao gồm các nội dung chính sau: Những vấn đề cơ bản của thống kê bảo hiểm; Thống kê bảo hiểm xã hội; Thống kê bảo hiểm y tế; Thống kê bảo hiểm thương mại; Thống kê tái bảo hiểm; Thống kê hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm.

34. Tin học chuyên ngành 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quy trình quản lý thu bảo hiểm xã hội, quản lý tài chính kế toán (quỹ bảo hiểm xã hội); Hệ thống thông tin quản lý bảo hiểm xã hội, thực hành quản lý thu bảo hiểm xã hội, thực hành kế toán bảo hiểm xã hội.

35. Tái bảo hiểm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về tái bảo hiểm; Các hình thức tái bảo hiểm; Phương pháp tái bảo hiểm; Hợp đồng tái bảo hiểm.

36. Quản lý thu bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về công tác quản lý thu bảo hiểm xã hội, cung cấp những kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học/ nghiên cứu và vận dụng trong công tác quản lý thu bảo hiểm xã hội; Những vấn đề chung về quản lý thu bảo hiểm xã hội; Thực trạng quản lý thu bảo hiểm xã hội; Một số giải pháp và khuyến nghị.

37. Quản lý thu khối doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về quản lý thu bảo hiểm xã hội khối doanh nghiệp; Một số vấn đề về quản lý thu bảo hiểm xã hội khối doanh nghiệp; Thực trạng quản lý thu bảo hiểm xã hội khối doanh nghiệp; Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thu bảo hiểm xã hội khối doanh nghiệp.

38. Quản lý chi trả bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: nội dung cơ bản của công tác quản lý chi trả bảo hiểm xã hội; thực tế thực hiện công tác quản lý chi trả bảo hiểm xã hội ở Việt Nam hiện nay.

39. Quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: khái quát chung về hồ sơ, quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội; quản lý hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội; quản lý hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội

40. Bảo hiểm xã hội tự nguyện

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bảo hiểm xã hội tự nguyện: Khái quát chung về bảo hiểm xã hội tự nguyện; Nội dung của bảo hiểm xã hội

tự nguyện; bảo hiểm xã hội tự nguyện ở Việt Nam.

41. Giám định bảo hiểm y tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức sau: Các vấn đề chung nhất về chính sách bảo hiểm y tế ở Việt Nam; Các nghiệp vụ của công tác giám định bảo hiểm y tế; Các hình thức lạm dụng bảo hiểm y tế và hạn chế lạm dụng bảo hiểm y tế; Kỹ năng ứng xử trong giao tiếp của giám định viên tại bệnh viện.

42. Định phí bảo hiểm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần giới thiệu một cách khái quát những vấn đề liên quan đến việc xác định mức phí cho một sản phẩm bảo hiểm. Ý nghĩa của việc định phí sản phẩm bảo hiểm đối với sự phát triển của doanh nghiệp bảo hiểm. Bên cạnh đó, học phần cũng trình bày một số phương pháp định phí sản phẩm bảo hiểm đang được áp dụng.

43. Giám định bồi thường bảo hiểm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Sự cần thiết khách quan và vai trò của bảo hiểm thương mại; Khái quát chung về công tác giám định; Khái quát chung về công tác bồi thường.

44. Quản lý đại lý bảo hiểm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát chung về bảo hiểm; Những vấn đề cơ bản về đại lý bảo hiểm; Quy trình khai thác bảo hiểm; Lập kế hoạch, tuyển dụng, đào tạo và phát triển đại lý.

45. Bảo hiểm tiền gửi

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bảo hiểm tiền gửi gồm: Khái quát chung chung về bảo hiểm tiền gửi; Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của bảo hiểm tiền gửi và hệ thống bảo hiểm tiền gửi ở các nước trên thế giới; Nội dung cơ bản của bảo hiểm tiền gửi; Pháp luật và tổ chức quản lý bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam

46. Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát chung về bảo hiểm thương mại; Mô hình tổ chức và nội dung hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm; Tổ chức triển khai nghiệp vụ bảo hiểm thương mại; Tổ chức quản lý hợp đồng bảo hiểm; Phân tích hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm.

47. Thực tập cuối khóa

Số tín chỉ: 04 tín chỉ

Học phần giúp cho sinh viên ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Phân tích, đánh giá được kết quả một hoạt động cụ thể của đơn vị thực tập, xác định hạn chế và nguyên nhân từ đó đề xuất với đơn vị những giải pháp khắc phục những hạn chế tồn tại

48. Đầu tư tài chính bảo hiểm

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về đầu tư và hoạt động đầu tư phát triển; Nguồn vốn đầu tư và điều kiện huy động hiệu quả nguồn vốn đầu tư; Các phương pháp lựa chọn phương án đầu tư; Những vấn đề liên quan đến quỹ bảo hiểm xã hội, các hệ thống tài chính và mô hình cân đối quỹ bảo hiểm xã hội, các loại doanh thu chi phí trong doanh nghiệp bảo hiểm và các nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu chi phí; Các chỉ tiêu tài chính đặc thù trong doanh nghiệp bảo hiểm và phương pháp trích lập; Hoạt động đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm và quỹ bảo hiểm xã hội.

49. Hoạch định chính sách bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về chính sách bảo hiểm xã hội: Khái quát chung về chính sách bảo hiểm xã hội; Xây dựng chính sách bảo hiểm xã hội; Nội dung chính sách bảo hiểm xã hội; Phân tích chính sách bảo hiểm xã hội.

50. Khóa luận tốt nghiệp

Số tín chỉ: 06 tín chỉ

Học phần này giúp người học áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động của ngành Bảo hiểm. Kết thúc học phần, người học báo cáo kết quả nghiên cứu dưới hình thức Khóa luận tốt nghiệp.

51. Toán cao cấp 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm 3 chương, chứa đựng các kiến thức cơ bản cần thiết của giải tích và một số ứng dụng trong kinh tế: Dãy số giới hạn của dãy số; hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục; Đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến số; Cực trị của hàm số một biến số; Ứng dụng của đạo hàm, tích phân trong phân tích kinh tế; Hàm số hai biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số; Hàm thuần nhất; Cực trị của hàm hai biến số; Ứng dụng của đạo hàm riêng, vi phân trong kinh tế học; Đạo hàm riêng cấp 2 và qui luật năng suất cận biên giảm dần; Hệ số co giãn; Hệ số thay thế.

52. Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê toán. Học phần cũng giúp sinh viên giải quyết các bài tập xác suất và thống kê. Những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên học các môn học chuyên ngành về sau.

53. Triết học Mác - Lênin

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế- xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

54. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung học phần bao gồm 6 chương: chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

55. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh được cấu trúc thành 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân và vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

56. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm 5 chương: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt

Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); và Chương tổng kết.

57. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung học phần: Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là chương trình giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học của trường Đại học Lao động - Xã hội gồm 7 chương, trình bày nội dung tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

58. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Pháp chế xã hội chủ nghĩa.

59. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở nhất để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel.

60. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về cơ sở dữ liệu (Database), cơ sở dữ liệu quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

61. Soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý luận chung về văn bản quản lý nhà nước; Kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt: Khái niệm, đặc điểm và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường.

62. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.

63. Logic học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng và ý nghĩa của logic học; Khái niệm; Phán đoán; Các quy luật cơ bản của logic hình thức; Suy luận; Chứng minh và bác bỏ; Giả thuyết.

64. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

65. Tiếng Anh cơ bản 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu; Trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

66. Tiếng Anh cơ bản 2

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ giữa A2 trở lên theo chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

67. Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần gồm các nội dung sau: Social insurance, Unemployment insurance, Commercial insurance, Risk management, Liability insurance

68. Thể dục - Điền kinh

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận động về:

- Bài tập phát triển chung 13 động tác.

- Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng; Luật thi đấu môn nhảy cao.

69. Bóng chuyền 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

70. Bóng chuyền 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức nâng cao về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

71. Bóng rổ 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng rổ như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

72. Bóng rổ 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Bóng rổ, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Bóng rổ một cách thuần thục hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

73. Cầu lông 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Cầu lông như: Cách cầm cầu, cách cầm vợt, các tư thế chuẩn bị cơ bản, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phải trái.

74. Cầu lông 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Cầu lông, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Cầu lông một cách thuần thục hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu cao sâu phải trái.

75. Cờ vua 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về:

- Nguồn gốc ra đời của môn cờ vua .
- Lịch sử hình thành, phát triển của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam
- Xu hướng phát triển , tác dụng của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam

- Giai đoạn tàn cuộc của ván đấu .
- Một số điều luật trong cờ vua .

76. Cờ vua 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản

- Ôn tập nội dung chính của Cờ vua 1
- Giai đoạn khai cuộc của ván đấu.
- Một số điều luật trong cờ vua.

77. Cờ vua 3

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về:

- Ôn tập nội dung chính của cờ vua 2 và một phần cờ vua 1
- Giai đoạn trung cuộc của ván đấu.
- Một số điều luật trong cờ vua.

78. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 03

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

79. Công tác Quốc phòng an ninh

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, an ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống và vi phạm pháp luật trên không gian mạng ở Việt Nam.

80. Quân sự chung

Số tín chỉ: 01

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh: hiểu biết về lịch sử ra đời, truyền thống của các quân binh chủng trong quân

đội; các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, các nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết và biết cách sử dụng bản đồ địa hình quân sự; hiểu biết về vũ khí công nghệ cao và cách phòng chống trong chiến tranh; rèn luyện và thi đấu ba môn quân sự phối hợp

81. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Tính năng, cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lựu đạn. Trình tự các bước thực hành ngắm bắn và trình tự các bước thực hành ném lựu đạn. Kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và cảnh giới.

2.9. Đối sánh chương trình đào tạo với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo

2.9.1. Tên các chương trình đào tạo tham khảo

Trong quá trình xây dựng chương trình Bảo hiểm, Nhà trường đã tham khảo một số chương trình đào tạo trong. Cụ thể như sau:

- **Các chương trình trong nước:** Chương trình đào tạo cử nhân chính quy ngành Bảo hiểm, Trường Đại học Kinh tế quốc dân và ngành Tài chính Bảo hiểm, học viện Tài chính.
- **Chương trình nước ngoài:** Chương trình đào tạo cử nhân Tài chính Bảo hiểm của đại học Cambridge và chương trình đào tạo cử nhân ngành Bảo hiểm và Quản lý Rủi ro trường Đại học Central Arkansas.

2.9.2. So sánh các chương trình đào tạo

Bảng 2.9. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo Bảo hiểm, Trường Đại học Lao động - Xã hội	Mức độ tương đồng
Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Cấu trúc	Số lượng tín chỉ: 130 TC (không bao gồm GDTC và QPAN) Giáo dục đại cương: 44 TC Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 87 TC Cụ thể: - Kiến thức cơ sở khối ngành: 18 TC. - Kiến thức cơ sở ngành: 14 TC. - Kiến thức ngành: 44	Số lượng tín chỉ: 121 TC (không bao gồm GDTC và QPAN) Giáo dục đại cương: 31 TC Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 TC Cụ thể: - Kiến thức cơ sở khối ngành: 12 TC. - Kiến thức cơ sở ngành: 18 TC - Kiến thức ngành: 50	Chương trình của trường ít hơn 9 TC. Trong đó chủ yếu rơi vào giáo dục đại cương, ít hơn 13 TC. Nhưng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp nhiều hơn 3 TC

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo Bảo hiểm, Trường Đại học Lao động - Xã hội	Mức độ tương đồng
	<p>Nội dung</p>	<p>TC - Thực tập và TN: 10 TC</p> <p>Các học phần có tên gọi khác:</p> <p>An sinh xã hội Bảo hiểm xã hội 1 Bảo hiểm xã hội 2 Quản lý BHXH 1 Quản lý BHXH 2 Nhập môn định phí bảo hiểm Giám định và đàm phán kinh doanh Chuyên đề bảo hiểm xã hội Chuyên đề bảo hiểm tiền gửi Chuyên đề quản lý BHXH Chuyên đề quản lý sổ thẻ BHXH</p>	<p>TC - Thực tập và TN: 10 TC</p> <p>Có các học phần khác:</p> <p>Nhập môn an sinh xã hội Nghịệp vụ bảo hiểm xã hội Lý thuyết bảo hiểm xã hội Quản trị BHXH Định phí sản phẩm bảo hiểm Giám định bồi thường bảo hiểm Chuyên đề quản lý thu BHXH Bảo hiểm tiền gửi Chuyên đề quản lý chi BHXH Chuyên đề quản lý hồ sơ BHXH</p>	<p>Về cơ bản, số học phần giống nhau của hai chương trình chiếm từ 80-85% trong phần kiến thức chuyên giáo dục chuyên nghiệp.</p>
<p>Học viện Tài chính</p>	<p>Cấu trúc</p>	<p>Số lượng tín chỉ: 129 TC (không bao gồm GDTC và QPAN)</p> <p>Giáo dục đại cương: 36 TC</p> <p>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 93 TC Cụ thể: - Kiến thức cơ sở khối ngành: 6 TC - Kiến thức cơ sở ngành: 25 TC - Kiến thức ngành: 52 TC</p>	<p>Số lượng tín chỉ: 121 TC (không bao gồm GDTC và QPAN)</p> <p>Giáo dục đại cương: 31 TC</p> <p>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 TC Cụ thể: - Kiến thức cơ sở khối ngành: 12 TC. - Kiến thức cơ sở ngành: 18 TC - Kiến thức ngành: 50 TC.</p>	<p>Chương trình của trường ít hơn 8 TC. Trong đó ít hơn 5 TC giáo dục đại cương và 3 TC kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.</p>

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo Bảo hiểm, Trường Đại học Lao động - Xã hội	Mức độ tương đồng
		- Thực tập và TN: 10TC	- Thực tập và TN: 10 TC	
	Nội dung	Các học phần có tên gọi khác: Lịch sử các học thuyết kinh tế. Quản lý hành chính công. Kinh tế môi trường. Tài chính tiền tệ Tài chính quốc tế Quan hệ công chúng Quản lý dự án	Có các học phần khác: Lý thuyết bảo hiểm xã hội Quản lý đại lý bảo hiểm. Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm, Tổ chức thực hiện BHXH	Về cơ bản, tổng số học phần giống nhau của hai chương trình Tuy nhiên các học phần của 2 chương trình trong kiến thức ngành khác nhau khá nhiều.

Bảng 2.10. Đối sánh chương trình đào tạo đại học Cambridge

Stt	Nội dung so sánh	Giống nhau	Khác nhau	
			CTĐT BH của ULSA	CTĐT của đại học Cambridge
1	Mục tiêu đào tạo	Hướng tới việc đào tạo đội ngũ quản trị cấp trung và cấp cao trong tương lai thông qua việc đào tạo và cung cấp các kiến thức nền về bảo hiểm	Đào tạo sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng và kiến thức nền tảng về bảo hiểm.	Đào tạo cử nhân thành thạo về báo hàng, tài chính, kinh doanh, quản trị và bảo hiểm.
2	Thời gian đào tạo	Cùng thời gian đào tạo	4 năm	4 năm
3	Chuẩn đầu ra	Có đạo đức nghề nghiệp, có	Kỹ năng về kiến thức;	Hiểu và vận dụng thành thạo 4 hoặc 6

Stt	Nội dung so sánh	Giống nhau	Khác nhau	
			CTĐT BH của ULSA	CTĐT của đại học Cambridge
		các kỹ năng giải quyết vấn đề cũng như ra quyết định.	Kỹ năng về thực hành nghề nghiệp, kỹ năng về giao tiếp ứng xử. Kỹ năng về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp.	modul chương trình.
4	Khối lượng kiến thức toàn khóa	Số lượng tín chỉ toàn khóa là tương đương nhau. Việc phân bổ lộ trình đào tạo cũng có độ tương đồng đều	- Khối lượng kiến thức toàn khóa là 121, không kể GD thể chất và GD quốc phòng. (năm 1: 30 TC, năm 2: 32TC, năm 3: 34 TC, năm 4: 25TC)	- Khối lượng kiến thức toàn khóa là 122 (năm 1: 36, năm 2: 36, năm 3: 27, năm 4:27)
5	Đối tượng tuyển sinh	Đối tượng tuyển sinh giống nhau	Tốt nghiệp phổ thông trung học và tương đương	Tốt nghiệp phổ thông trung học
6	Quy trình đào tạo	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ tuân thủ văn bản pháp qui hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường quy định.
7	Điều kiện tốt nghiệp		Hoàn thành chương trình đào tạo, đạt trình độ về ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của trường	Hoàn thành 4 hoặc 6 modul chương trình

Stt	Nội dung so sánh	Giống nhau	Khác nhau	
			CTĐT BH của ULSA	CTĐT của đại học Cambridge
8	Cách thức đánh giá		- Điểm tổng kết học phần bao gồm điểm quá trình.	Đánh giá theo thang chữ

Bảng 2.11. Đối sánh chương trình đào tạo đại học Central Arkansas (UCA)

STT	Nội dung so sánh	Giống nhau	Khác nhau	
			CTĐT BH của ULSA	CTĐT của đại học UCA
1	Mục tiêu đào tạo	Hướng tới việc đào tạo đội ngũ quản trị cấp trung và cấp cao trong tương lai thông qua việc đào tạo và cung cấp các kiến thức nền về bảo hiểm	Đào tạo sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng và kiến thức nền tảng về bảo hiểm.	Chuyên ngành Bảo hiểm và Quản lý Rủi ro tại Đại học Central Arkansas (UCA) là một trong những chương trình phát triển nhanh nhất trong nước. Đây là chương trình cấp bằng duy nhất của Arkansas cho phép sinh viên theo học chuyên ngành Bảo hiểm và Quản lý Rủi ro, chương trình này đóng vai trò như một nguồn tài nguyên quý giá cho các dịch vụ tài chính và bảo hiểm. ngành công nghiệp trong toàn bộ khu vực.
2	Thời gian đào tạo	Cùng thời gian đào tạo	4 năm	4 năm
3	Chuẩn đầu ra	Có đạo đức nghề nghiệp, có	Kỹ năng về kiến	Bằng của chương trình này được

STT	Nội dung so sánh	Giống nhau	Khác nhau	
			CTĐT BH của ULSA	CTĐT của đại học UCA
		các kỹ năng giải quyết vấn đề cũng như ra quyết định.	thức; Kỹ năng về thực hành nghề nghiệp, kỹ năng về giao tiếp ứng xử. Kỹ năng về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp.	cung cấp thông qua Bộ Kinh tế - Tài chính,. Do đó cho phép tích hợp lý thuyết kinh tế và các nguyên tắc tài chính với bảo hiểm và quản lý rủi ro để chuẩn bị cho sinh viên cho nhiều nghề nghiệp khác nhau trong ngành bảo hiểm và dịch vụ tài chính.
4	Khối lượng kiến thức toàn khóa	Số lượng tín chỉ toàn khóa là tương đương nhau. Việc phân bổ lộ trình đào tạo cũng có độ tương đồng đều	- Khối lượng kiến thức toàn khóa là 121, không kể GD thể chất và GD quốc phòng. (năm 1: 30 TC, năm 2: 32TC, năm 3: 34 TC, năm 4: 25TC)	- Khối lượng kiến thức toàn khóa là 120 (năm 1: 36, năm 2: 36, năm 3: 27, năm 4:25)
5	Cấu trúc	Số lượng tín chỉ: 121 TC (không bao gồm GDTC và QPAN) - Kiến thức cơ sở khối ngành: 12 TC. - Kiến thức cơ sở ngành: 18 TC - Kiến thức ngành: 50 TC.	Số lượng tín chỉ: 119 TC - Kiến thức cơ sở ngành cơ bản: 38 TC. - Kiến thức cơ sở ngành nâng cao: 18 TC - Kiến thức ngành: 30 TC. - Các học phần về tài chính lựa chọn 9 tín trong	Chương trình của trường nhiều hơn 2 TC. Trong đó CTĐT đại học UCA có thực tập cuois khóa nhiều hơn 14 tín so với ULSA

STT	Nội dung so sánh	Giống nhau	Khác nhau	
			CTĐT BH của ULSA	CTĐT của đại học UCA
		- Thực tập và TN: 10 TC	18 TC - Thực tập và TN: 24 TC	
6	Đối tượng tuyển sinh	Đối tượng tuyển sinh giống nhau	Tốt nghiệp phổ thông trung học và tương đương	Tốt nghiệp phổ thông trung học và các đối tượng khác
7	Quy trình đào tạo	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ tuân thủ văn bản pháp qui hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường và Bộ Kinh tế - Tài chính quy định.
8	Điều kiện tốt nghiệp		Hoàn thành chương trình đào tạo, đạt trình độ về ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của trường	Hoàn thành các tín chỉ do UCA quy định
9	Cách thức đánh giá		- Điểm tổng kết học phần bao gồm điểm quá trình.	Đánh giá theo thang chữ

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022. Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường, khoa Bảo hiểm.

Các học phần được phân công giảng dạy bởi các khoa quản lý học phần và được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất đã được phê duyệt. Tất cả các hoạt động giảng dạy và đánh giá thực hiện phù hợp với đặc tả trong chương trình đào tạo.

Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo các quy chế đào tạo theo tín chỉ và các quy định có liên quan hiện hành của Trường Đại học Lao động – Xã hội.

Trưởng khoa Bảo hiểm, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế chịu trách

nhiệm tổ chức, hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Trường khoa đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp bảo hiểm, thực tập tốt nghiệp.

Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật mỗi năm (chính sách tuyển sinh, tài liệu học tập, cải tiến phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá) và rà 02 năm một lần (điều chỉnh thay đổi số lượng tín chỉ, thêm hoặc bớt học phần) để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng